



# BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

**SỐ 51/2020**  
**Từ 14/12 - 18/12/2020**

## TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

**TIN TRUNG ƯƠNG**

### CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

\*

**TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA**  
**THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ**  
**PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO**  
**CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**CỦA CHÍNH PHỦ**

**ÔNG PHẠM MINH HÙNG**  
**VỤ TRƯỞNG**  
**VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**BỘ NỘI VỤ**  
**CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO**  
**CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**CỦA CHÍNH PHỦ**

### BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

\*

**TRUNG TÂM THÔNG TIN**  
**BỘ NỘI VỤ**

### ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

**SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT**  
**QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI**

**ĐIỆN THOẠI**  
**024.62821016**

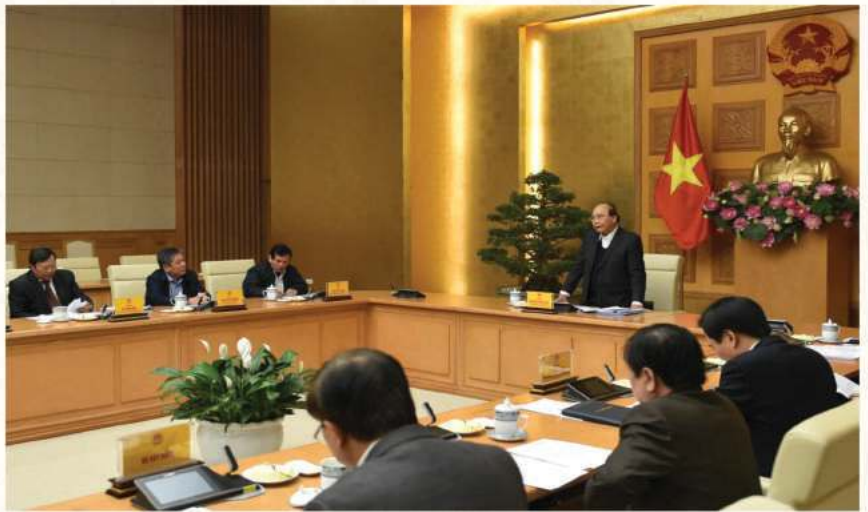
**EMAIL**  
**BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN**

**WEBSITE**  
**HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN**

### THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:

### THÁO GỠ ĐIỂM NGHÈN CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG

Làm việc với lãnh đạo tỉnh có vị trí quan trọng ở vùng duyên hải phía Đông vùng Đồng bằng sông Cửu Long vào chiều tối ngày 18/12, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ, phát triển Trà Vinh trở thành một địa phương mạnh về kinh tế, vững về quốc phòng an ninh, an toàn về xã hội, đóng góp vào sự phát triển chung của vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước.



Thủ tướng Chính phủ làm việc với lãnh đạo tỉnh Trà Vinh ngày 18/12. Ảnh: VGP/Quang Hiếu

Thủ tướng Chính phủ đã cho ý kiến chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho tỉnh về các công trình, dự án phòng chống thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn với tinh thần bảo đảm không để người dân thiếu nước ngọt cũng như các công trình, dự án giao thông, lĩnh vực quan trọng đối với tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Thủ tướng Chính phủ nhất trí hỗ trợ một khoản từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương đầu tư cấp bách 2 dự án Kè chống sạt lở khu vực thị trấn Cầu Kè và đê bao chống lũ, triều cường ven sông Hậu.

Theo tỉnh Trà Vinh, đối với khu vực thị trấn Cầu Kè, hiện nay bờ sông đang bị sạt lở nghiêm trọng, ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh, tài sản nhà cửa và đời sống của hơn 2.000 hộ dân sinh sống trong khu vực, cần xử lý cấp bách. Ven sông Hậu qua địa bàn các huyện Trà Cú, Tiểu Cần và Cầu Kè, vùng tập trung sản xuất cây ăn trái, nuôi thủy sản nước ngọt của tỉnh với hơn 5.000ha, thường xuyên bị ngập úng khi triều cường hoặc lũ thượng nguồn đổ về, gây thiệt hại cho sản xuất và đời sống Nhân dân.

Về hỗ trợ tỉnh 5 công trình phục vụ cho việc phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn, Thủ tướng giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các bộ, các địa phương rà soát phương án quy hoạch thủy lợi và phòng chống thiên tai vùng Đồng bằng sông Cửu Long phù hợp với diễn biến hạn hán, xâm nhập mặn và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu để làm cơ sở đưa vào quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; trên cơ sở đó có kế hoạch đầu tư cụ thể để từng bước bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công trung hạn, dài hạn và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai thực hiện, đảm bảo hiệu quả.

Trước kiến nghị của tỉnh về cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 60 đoạn qua địa bàn tỉnh Trà Vinh, Thủ tướng cho rằng, các bộ, ngành cần quan tâm vấn đề giao thông đối với các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Thủ tướng Chính phủ đồng ý, đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Giao thông vận tải khẩn trương tìm nguồn lực đầu tư xây dựng cầu Đại Ngãi.

Trước đó, làm việc với lãnh đạo Thừa Thiên - Huế ngày 17/12, Thủ tướng nêu rõ, mâu chốt đối với tỉnh vùng Bắc Trung Bộ này là thể chế Nghị quyết số 54/NQ/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 83/NQ-CP của Chính phủ về xây dựng và phát triển Thừa Thiên - Huế đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2045, đi liền với đó là xây dựng Thừa Thiên - Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành Trung ương cố gắng gỡ các vướng mắc gây ra sự chậm trễ do thể chế, chính sách lạc hậu. Cần đề xuất cơ chế đặc thù để phát triển vùng đất có nhiều di sản thế giới hài hòa với thiên nhiên. Trong đó, kinh tế đô thị là một hướng đi quan trọng đối với Thừa Thiên - Huế.

Một nhiệm vụ trọng tâm nữa mà Thủ tướng nhấn mạnh là tập trung hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng khu di tích kinh thành Huế, tạo không gian, quỹ đất để bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị vật thể, phi vật thể cố đô Huế. Hướng tới xây dựng Huế trở thành thành phố Festival, trung tâm du lịch văn hóa đặc sắc của châu Á.

Thủ tướng Chính phủ cơ bản nhất trí với các kiến nghị của tỉnh Thừa Thiên - Huế nhằm giúp tỉnh gỡ các ách tắc trong phát triển.

Thủ tướng giao Bộ Nội vụ chủ trì phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương hoàn thiện, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt các nội dung đề án điều chỉnh địa giới hành chính để mở rộng thành phố Huế, đề án xây dựng tỉnh Thừa Thiên - Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn và phát huy di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế; cơ chế chính sách đặc thù đối với Thừa Thiên - Huế. Văn phòng Chính phủ đôn đốc, tổng hợp, đăng ký kế hoạch trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét thông qua các đề án trên.

Liên quan đến Đề án di dời dân cư, giải phóng mặt bằng khu vực 1 di tích Kinh thành Huế, Thủ tướng Chính phủ đồng ý tỉnh Thừa Thiên - Huế tiếp tục triển khai giai đoạn 2 của Đề án và trùng tu, tôn tạo một số di tích xuống cấp nghiêm trọng từ nguồn vốn hỗ trợ ngân sách Trung ương, trong đó cấp ngay một khoản kinh phí từ dự phòng ngân sách Trung ương để bảo tồn, tu bổ, phục hồi khẩn cấp 2 công trình di tích có nguy cơ cao là Điện Thái Hòa và Thái Miếu.

Làm việc với lãnh đạo tỉnh Thái Bình ngày 16/12, tỉnh vùng Đồng bằng sông Hồng có dân số 2 triệu người, Thủ tướng Chính phủ cho rằng, tỉnh có khát vọng đóng góp cho đất nước hùng cường rất rõ nét.

Thời gian tới, nông nghiệp vẫn là bệ đỡ đối với “quê lúa”, Thái Bình cần tiếp tục chú trọng, thu hút đầu tư vào lĩnh vực này. Không thể chỉ có làm nông nghiệp, một hướng đi nữa là cần tập trung đẩy mạnh phát triển Khu kinh tế Thái Bình trở thành một động lực thúc đẩy kinh tế của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2025, Thái Bình trở thành tỉnh phát triển khá của Đồng bằng sông Hồng, “khí thế vươn lên của các tỉnh trong vùng rất cao, nếu không phấn đấu thì Thái Bình sẽ tụt hậu”.

Đối với các nội dung Thái Bình kiến nghị, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc cho phép kết nối hệ thống giao thông theo đề xuất của tỉnh; các bộ, ngành liên quan phối hợp với tỉnh Thái Bình thực hiện công tác quy hoạch, bố trí nguồn vốn thực hiện các dự án hạ tầng giao thông kết nối.

Thủ tướng Chính phủ bày tỏ ủng hộ kiến nghị của tỉnh liên quan đến Dự án Tuyến đường bộ ven biển đoạn qua Thái Bình.

Thủ tướng Chính phủ đồng ý và sẽ chỉ đạo các bộ, ngành tham mưu và hoàn thiện thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ xem xét sớm phê duyệt thành lập các khu chức năng trong Khu kinh tế Thái Bình, giúp tỉnh có căn cứ đầu tư và thu hút đầu tư. Trong giai đoạn từ nay đến năm 2025, tỉnh kiến nghị thành lập 4 khu công nghiệp trong Khu kinh tế Thái Bình với tổng diện tích khoảng 2.000ha.

Theo báo cáo của tỉnh Thái Bình, hiện nay, tỉnh đang triển khai lập quy hoạch phân khu chức năng để kêu gọi, thu hút nhà đầu tư; đồng thời triển khai một số dự án trọng điểm trong Khu kinh tế. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện đã gặp một số khó khăn vướng mắc như Dự án không phù hợp hoặc xung đột giữa hiện trạng với Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế, dẫn tới việc khó khăn khi triển khai thực hiện dự án.

Tỉnh kiến nghị điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình.

Để tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho tỉnh, Thủ tướng Chính phủ đồng ý về nguyên tắc, giao Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình lập Hồ sơ điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Thái Bình, gửi Bộ Xây dựng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Thủ tướng Chính phủ cũng đồng ý về nguyên tắc bổ sung Khu bến cảng Ba Lạt, huyện Tiền Hải (thuộc Khu kinh tế Thái Bình) vào Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam. Bộ Giao thông vận tải cần sớm trình Thủ tướng Chính phủ quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Về kiến nghị tỉnh Thái Bình chủ trì, phối hợp với các địa phương có liên quan lập hồ sơ đề nghị UNESCO công nhận nghệ thuật hát Chèo là di sản văn hoá phi vật thể đại diện của nhân loại, Thủ tướng Chính phủ đồng ý tỉnh chủ trì, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn tỉnh Thái Bình về trình tự thủ tục, hoàn thiện hồ sơ và trình duyệt theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*



## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ: CHỦ TRÌ HỌP THƯỜNG TRỰC CHÍNH PHỦ VỀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỐ 01/NQ-CP

Chiều ngày 18/12, dưới sự chủ trì của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, Thường trực Chính phủ đã họp, thảo luận về dự thảo Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ, văn bản thường được ban hành ngay đầu năm gồm phương châm hành động và các trọng tâm chỉ đạo, điều hành.

Tại phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 11/2020, Chính phủ cho ý kiến lần đầu đối với dự thảo Nghị quyết mang tính xương sống, kim chỉ nam cho chỉ đạo, điều hành cả năm 2021, năm khởi đầu của giai đoạn 5 năm tới.

Kế thừa nội dung đổi mới trong Nghị quyết số 01/NQ-CP những năm qua, trên cơ sở tổng hợp báo cáo, ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự thảo Nghị quyết số 01/NQ-CP năm 2021 theo tinh thần ngắn gọn, cô đọng, các nhiệm vụ, giải pháp đề ra có trọng tâm, trọng điểm, tạo điểm nhấn cho công tác chỉ đạo, điều hành cả năm.

Dự thảo Nghị quyết số 01/NQ-CP cho năm 2021 gồm 11 nhóm nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu, được cụ thể hóa thành gần 200 nhiệm vụ giao cho các ngành, lĩnh vực.

Các ý kiến tại cuộc họp tán thành phương hướng xây dựng dự thảo cô đọng, có trọng tâm, trọng điểm, tạo điểm nhấn cho công tác chỉ đạo, điều hành cả năm 2021, năm có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng XIII.

Một số ý kiến nhấn mạnh, phương châm hành động thể hiện tăng cường kỷ luật, kỷ cương; tiếp nối và phát huy tinh thần đoàn kết trong thời gian qua, đặc biệt trong năm 2020, cả nước chung tay phòng chống đại dịch COVID-19; khát vọng cống hiến; tích cực đổi mới, sáng tạo và tăng cường hiệu quả trong mọi hoạt động. Có ý kiến đề nghị, cần giao mục tiêu cao hơn cho từng Bộ, ngành, địa phương, có cơ chế thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tiếp tục tháo gỡ cho các dự án tồn đọng, nên đưa sáng kiến trồng 5 tỷ cây xanh vào nghị quyết để triển khai ngay từ năm 2021.

Ghi nhận các ý kiến, Thủ tướng Chính phủ nêu rõ tinh thần Chính phủ hướng về người dân, thu hút đầu tư phát triển với môi trường đầu tư thuận lợi, lo cho người dân về “công ăn việc làm”, thu nhập, an sinh xã hội với tất cả ý chí, sáng tạo của các cấp, các ngành, quán triệt và đưa Nghị quyết Đại hội Đảng XIII vào cuộc sống từ năm đầu 2021.

Các Bộ, ngành phải xác định rõ yêu cầu, mục tiêu, định hướng phát triển, nhất là thể chế, cơ chế chính sách trọng tâm, đột phá, xử lý vấn đề mới, tạo động lực phát triển từng ngành, từng lĩnh vực.

Các địa phương chủ động triển khai, đề xuất kiến nghị giải pháp, tháo gỡ vướng mắc, nhất là vấn đề mới phát sinh trên địa bàn.

Về kết cấu Nghị quyết, Thủ tướng Chính phủ lưu ý viết ngắn gọn, nêu rõ các kịch bản tăng trưởng, nhiệm vụ, chỉ tiêu chủ yếu, cụ thể hóa các giải pháp thúc đẩy “cỗ máy tăng trưởng” bao gồm đầu tư, xuất khẩu, tiêu dùng.

Về phương châm hành động, Thủ tướng Chính phủ gợi ý làm sao thể hiện tinh thần đoàn kết, khát vọng phát triển, “không đổi mới, không có khát vọng phát triển thì khó tiến bước, năm 2021 phải đặt vấn đề này mạnh mẽ hơn”.

Nội dung Nghị quyết phải nhất quán, khả thi, ấn tượng, dễ nhớ, dễ làm. Thủ tướng Chính phủ lưu ý vấn đề mà người dân quan tâm là an toàn, việc làm và thu nhập, do đó, các Bộ, ngành cần quán triệt, xử lý, thúc đẩy. Đôn đốc, kiểm tra là khâu quan trọng để thực hiện giải pháp đề ra, nếu không đôn đốc quyết liệt thì sẽ chậm trễ. Nội hàm chính sách cần rõ ràng, khả thi, dễ thực hiện, Thủ tướng Chính phủ lấy ví dụ về chủ trương trồng 5 tỷ cây xanh hay an sinh bền vững... cần được cụ thể hóa bằng các biện pháp nào.

Theo Thủ tướng Chính phủ dự thảo Nghị quyết cần tiếp tục lấy ý kiến các Bộ, ngành để tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, chỉ tiêu mà Đảng, Quốc hội giao và sẽ tiếp tục đưa dự thảo Nghị quyết ra thảo luận tại Hội nghị Chính phủ với địa phương vào cuối tháng 12/2020.

Nhân dịp này, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã trao đổi về thông tin Bộ Tài chính Hoa Kỳ công bố báo cáo về chính sách kinh tế vĩ mô và ngoại hối của các đối tác thương mại lớn, trong đó nêu việc có 10 nước trên thế giới trong diện theo dõi về chính sách tiền tệ, riêng Thụy Sĩ và Việt Nam là những nước thao túng tiền tệ.

Về việc này, Người Phát ngôn Bộ Ngoại giao Việt Nam đã kịp thời tuyên bố, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã có thông tin báo chí, nêu rõ quan điểm điều hành chính sách tiền tệ của Việt Nam là nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, không nhằm mục đích hạ giá tiền tệ để tạo lợi thế thương mại.

Trên thực tế, Thủ tướng Chính phủ, lãnh đạo Chính phủ đã có nhiều chỉ đạo trong suốt thời gian qua. Trên cơ sở đó, các Bộ, cơ quan Việt Nam đã chủ động hợp tác với các đối tác Hoa Kỳ, đạt nhiều kết quả rất tích cực, nhất là về thương mại, đầu tư... và cùng xử lý những tồn tại, vướng mắc, duy trì quan hệ thương mại ổn định, hướng tới cán cân thương mại hài hòa, bền vững, cùng có lợi.

Thủ tướng Chính phủ đã thống nhất giao nhiệm vụ cho các Bộ, cơ quan tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các đối tác Hoa Kỳ để duy trì và quan hệ hợp tác song phương phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân và doanh nghiệp hai nước.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## NHỮNG BƯỚC TIẾN VƯỢT BẬC TRONG 5 NĂM QUA

Chúng ta đã tạo nhiều dấu ấn nổi bật trong giai đoạn 2016 - 2020, tô đậm thành tựu của 35 năm đổi mới với những bước tiến vượt bậc; năm 2020 dù chịu tác động lớn của đại dịch COVID-19 nhưng vẫn được xem là năm thành công nhất của nước ta trong 5 năm qua về tinh thần và ý chí vươn lên trong mọi khó khăn, thử thách, cũng là thời điểm niềm tin của nhân dân với Đảng, Chính phủ là lớn nhất.

Theo nhiều ý kiến đánh giá, 5 năm qua, chúng ta đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách và đạt được những thành tựu rất quan trọng, khá toàn diện trên hầu hết các lĩnh vực.

Nhìn lại, không chỉ riêng trong năm 2020 này mà ngay từ đầu nhiệm kỳ, chúng ta đã đối diện với những thử thách lớn chưa từng thấy như đợt hạn hán kỷ lục trong gần 100 năm ở Đồng bằng sông Cửu Long, sự cố môi trường Formosa, sạt lở đất, lũ quét, lũ ống ở Tây Bắc, bão lũ, ngập lụt ở Miền Trung. Tuy nhiên, bằng quyết tâm của toàn bộ hệ thống chính trị, sự đồng lòng của người dân và doanh nghiệp, chúng ta đã cùng nhau tạo ra hơn 1.200 tỷ USD GDP trong gần 5 năm, trên một nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, theo báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội.

Chúng ta có 4 năm liên tiếp 2016 - 2019 cơ bản hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, năm sau tốt hơn năm trước và cũng là kỳ tích. Năm 2020, mặc dù chịu tác động lớn của đại dịch COVID-19, nhưng chúng ta đã thành công trong phòng chống, kiểm soát dịch bệnh và phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Kinh tế vĩ mô ổn định, tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, bảo đảm an sinh xã hội và đời sống nhân dân. Các lĩnh vực văn hoá, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại tiếp tục đạt nhiều kết quả tích cực.

Tạp chí The Economist tháng 8 năm 2020 đã xếp Việt Nam trong top 16 nền kinh tế mới nổi thành công nhất thế giới. Theo số liệu của Ngân hàng thế giới, với tăng trưởng kinh tế bình quân 6,8% một năm giai đoạn 2016 - 2019, Việt Nam nằm trong top 10 quốc gia tăng trưởng cao nhất.

Với những thành tựu đạt được trong những năm gần đây, Việt Nam ngày càng có tiếng nói, trách nhiệm lớn hơn trong những vấn đề khu vực và toàn cầu. Chúng ta đã hoàn thành tốt trọng trách và các cam kết tại các diễn đàn, tổ chức khu vực và quốc tế như vai trò chủ nhà APEC 2017, Chủ tịch ASEAN 2020, Chủ tịch Hội đồng liên nghị viên các quốc gia Đông Nam Á (AIPA 41), Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc, tổ chức tốt Hội nghị thượng đỉnh Mỹ - Triều...

Theo Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc, những kết quả này là thành tựu chung của cả hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp và toàn thể nhân dân dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng.

Riêng năm 2020 đánh dấu một bước ngoặt lớn trong lịch sử 100 năm gần đây của nhân loại khi đại dịch COVID-19 gây ra những tác hại vô cùng lớn đến kinh tế và sự xáo trộn trong đời sống xã hội của hầu hết các nền kinh tế trên thế giới.

Trong bối cảnh đó, mức độ thành công được xác định không chỉ bởi những gì chúng ta đã đạt được, mà bởi cả những trở ngại chúng ta đã vượt qua. Với những kết quả đặc biệt đó, chúng ta khẳng định năm 2020 phải được xem là năm thành công nhất của nước ta trong 5 năm qua về tinh thần và ý chí vươn lên trong mọi khó khăn, thử thách; niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, với tương lai đất nước không ngừng được củng cố và nâng cao, Thủ tướng Chính phủ nhấn mạnh.

Theo đánh giá của các đại biểu Quốc hội, năm 2020, với sự điều hành chủ động, sát sao, quyết liệt của Chính phủ trong thực hiện mục tiêu kép, chúng ta đã đạt được thành tích kép. Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo hết sức kịp thời, sáng tạo trước các tình thế cấp bách như COVID-19, lũ lụt, thiên tai lịch sử.

Đại biểu Phạm Thị Minh Hiền (tỉnh Phú Yên) nêu rõ, năm 2020, Chính phủ đã ghi được rất nhiều điểm tốt trong lòng người dân cả nước, đó là sự nỗ lực, quyết liệt, sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành hoạt động; điểm tốt trong sự đồng hành, chia sẻ cứu trợ người dân trong hoạt động đối phó, khắc phục thiên tai.

“Chính phủ và lãnh đạo Chính phủ đã lan tỏa tinh thần mạnh mẽ, khơi dậy sức dân, sức mạnh nội tại, khả năng chống chịu, đồng sức đồng lòng trước những tác động tiêu cực. Thành quả lớn nhất mà Chính phủ đã đạt được là niềm tin của người dân”, đại biểu nhận định

Theo Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, giai đoạn 2016 - 2020, sau 4 năm đầu thực hiện đạt và vượt nhiều chỉ tiêu kế hoạch, năm 2020 đại dịch COVID-19 bùng phát, cùng với ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu đã tác động nghiêm trọng, ảnh hưởng lớn đến kết quả thực hiện một số chỉ tiêu.

Tuy nhiên, kinh tế vĩ mô vẫn duy trì ổn định, vững chắc; lạm phát được kiểm soát và duy trì ở mức thấp, giá cả hàng hóa diễn biến tương đối ổn định; tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước GDP giai đoạn 2016 - 2019 đạt khá cao (bình quân 6,8%/năm).

Ủy ban Kinh tế cũng đánh giá, xây dựng thể chế đạt nhiều kết quả tích cực, hệ thống pháp luật và cơ chế điều hành ngày càng đồng bộ, hoàn thiện và bao quát hơn, lần đầu thực hiện kế hoạch tài chính quốc gia 5 năm và kế hoạch đầu tư công 5 năm. Mô hình tăng trưởng dần chuyển dịch từ chiều rộng sang chiều sâu, chất lượng tăng trưởng được nâng cao; năng suất lao động được cải thiện; cơ cấu ngành công nghiệp, cơ cấu đầu tư chuyển dịch đúng hướng và tích cực.

Bên cạnh đó, công tác điều hành của Chính phủ tiếp tục có nhiều đổi mới, tập trung vào xử lý nhiều vấn đề kinh tế - xã hội khó khăn, thể hiện sự năng động, nhất quán, sâu sát, quyết liệt. Cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Việt Nam được đánh giá là nước cải thiện tốt nhất về năng lực cạnh tranh toàn cầu. Hiệu quả hoạt động của khu vực kinh tế tư nhân có bước phát triển; các lĩnh vực khoa học công nghệ, lao động và việc làm đạt một số kết quả. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước được kiện toàn, tinh giản biên chế đạt kết quả bước đầu.

Trước đó, tại Hội nghị lần thứ 13, Ban Chấp hành Trung ương khóa XII đã thảo luận, đánh giá về tình hình phát triển kinh tế - xã hội năm 2020.

Theo đó, do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, kinh tế - xã hội nước ta bị ảnh hưởng lớn, khó có thể hoàn thành được toàn bộ các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu đã đề ra cho năm 2020 và năm năm 2016 - 2020, mặc dù đã có bốn năm liên tiếp trước đó luôn hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra, năm sau tốt hơn năm trước.

Tuy nhiên, nhờ có sự nỗ lực phấn đấu, đóng góp to lớn, bền bỉ của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, Việt Nam vẫn được bạn bè quốc tế đánh giá cao, được coi là điểm sáng về phòng, chống dịch bệnh và phát triển kinh tế - xã hội.

“Nhiều chủ trương, chính sách, biện pháp đúng đắn đã được ban hành kịp thời và tổ chức thực hiện tốt để duy trì ở mức cao nhất các hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo việc làm, thu nhập cho người lao động, hỗ trợ người dân và các doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội”, Ban Chấp hành Trung ương nhận định.

Bên cạnh những kết quả, thành tích rất đáng trân trọng, tự hào đã đạt được, kinh tế - xã hội nước ta vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn. Kinh tế tăng trưởng chậm lại, ở mức thấp nhất trong nhiều năm qua. Sản xuất kinh doanh bị suy giảm; nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn, thậm chí phải đóng cửa, tạm dừng hoạt động. Việc làm, thu nhập của người lao động bị ảnh hưởng lớn.

Việc bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế gặp nhiều khó khăn. Hệ thống tài chính - ngân hàng, bảo đảm an sinh và phúc lợi xã hội đứng trước nhiều rủi ro, thách thức. Việc triển khai thực hiện một số chính sách, biện pháp bảo đảm an sinh xã hội, hỗ trợ sản xuất kinh doanh chưa đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra.

Vì vậy, phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương 13, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng yêu cầu, cần phải rà soát, đánh giá khách quan, toàn diện kết quả thực hiện và có phương án điều chỉnh phù hợp để bảo đảm các cân đối lớn, nhất là cân đối về ngân sách của năm 2020 sao cho khả thi, sát hợp nhất với thực tế tình hình.

Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, Hội nghị Trung ương nhất trí cho rằng, đất nước ta bước vào năm 2021 với nhiều khó khăn, thách thức mới, nặng nề hơn so với 10 năm trước do tác động của đại dịch COVID - 19 và suy thoái kinh tế toàn cầu.

Tuy nhiên, khác so với trước, những khó khăn, thách thức đó đã bộc lộ trước Đại hội Đảng, chúng ta đã sớm chủ động nhận diện, kịp thời đề ra và quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện đồng bộ các chủ trương, chính sách, biện pháp ứng phó phù hợp, có hiệu quả; rút ra được nhiều kinh nghiệm quý báu cho thời gian tới.

Trung ương yêu cầu, trước mắt, cần tăng cường công tác phân tích, dự báo tình hình dịch bệnh và triển vọng kinh tế - xã hội thế giới cũng như trong nước từ nay đến hết năm 2020 và các năm 2021 - 2022; tiếp tục rà soát thật kỹ, xác định đúng các chỉ tiêu chủ yếu, các cân đối lớn của nền kinh tế, định hướng phát triển một số ngành, lĩnh vực quan trọng và những nhiệm vụ trọng tâm, những giải pháp có tính đột phá, khả thi cao.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*



## DẤU ẤN 5 NĂM ĐIỀU HÀNH CỦA CHÍNH PHỦ: CHỌN ĐÚNG ĐIỂM ĐỘT PHÁ

Theo TS. Nguyễn Đức Kiên, Tổ trưởng Tổ tư vấn kinh tế của Thủ tướng Chính phủ, trong nhiệm kỳ này, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã bám sát tình hình, ngay cả trong những tình huống diễn biến rất nhanh, chọn đúng những điểm đột phá, máu chốt, tác động lan tỏa, trên cơ sở hiểu rất rõ thực lực của đất nước.

Trao đổi với phóng viên Báo điện tử Chính phủ, TS. Nguyễn Đức Kiên cho rằng, qua 5 năm, trong nhiều thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, nổi lên một số điểm nhân quan trọng. Trước hết và quan trọng nhất, kinh tế vĩ mô ổn định, tốc độ tăng trưởng cao so với 5 năm trước đó.

Thứ hai, tái cơ cấu nền kinh tế được đẩy mạnh, vì thế, qua các sự kiện như COVID-19, nền kinh tế không bị “sốc” mà vẫn duy trì được tăng trưởng.

Thứ ba, xử lý được vấn đề an toàn tài chính, giảm được nợ công, nợ Chính phủ, trong khi tổng mức đầu tư toàn xã hội vẫn đạt 31 đến 32% GDP.

Thứ tư, chúng ta ứng phó tốt với các biến động, như sự cố Formosa đầu nhiệm kỳ, đại dịch COVID-19 và thiên tai lịch sử cuối nhiệm kỳ. Trong 4 năm đầu, chúng ta đã thực hiện tốt các kế hoạch, mục tiêu đặt ra, riêng năm 2020 rất đặc thù, chúng ta đã có những biện pháp rất đặc biệt phù hợp, đưa Việt Nam trở thành một trong số ít các quốc gia xử lý thành công bài toán giữa phòng chống dịch và phát triển kinh tế.

Thứ năm, chúng ta đã chuẩn bị rất tốt các hành trang hội nhập kinh tế quốc tế, với các hiệp định CPTPP, EVFTA, EVIPA, RCEP. Với các hiệp định này, Chính phủ đã tạo những đột phá về quan hệ kinh tế quốc tế cho sự phát triển.

Cuối cùng, chúng ta đã thực hiện chuyển đổi số nền hành chính, với cách tư duy mới. Ví dụ, thay vì bắt người dân và doanh nghiệp tiếp cận cơ quan nhà nước, thì nay, với vai trò công bộc, cơ quan nhà nước tiếp cận người dân. “Trước đây người dân nộp tiền phải viết hóa đơn đỏ, thì nay chỉ cần chuyển tiền qua điện thoại. Tại sao chúng ta thu tiền của dân mà dân phải lên cơ quan nhà nước?”, TS. Nguyễn Đức Kiên đặt vấn đề và nhấn mạnh: Thay đổi tư duy đã dẫn tới thay đổi hành xử của các cơ quan chính quyền.

Bên cạnh những dấu ấn nổi bật rất đáng ghi nhận, vẫn còn những vấn đề cần tiếp tục xử lý. Trước hết, quá trình ra quyết định của nhiều cơ quan quản lý hành chính nhà nước vẫn còn chậm so với yêu cầu thực tế, “hợp quá nhiều mà không phân rõ trách nhiệm”, nhất là có tình trạng đẩy việc lên Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Giải ngân đầu tư công được đẩy mạnh trong năm cuối nhiệm kỳ, nhưng nếu giải ngân đầu tư công trong các năm trước được như năm 2020 thì tốc độ tăng trưởng cả giai đoạn 2016 - 2020 sẽ còn cao hơn nữa.

Bên cạnh đó, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã nhiều lần nhấn mạnh yêu cầu xây dựng, hoàn thiện thể chế là nhiệm vụ trọng tâm, nhưng thực tế, bên cạnh nhiều Bộ trưởng, trưởng ngành rất quyết liệt và đổi mới, vẫn có những Bộ, cơ quan còn lúng túng trong xây dựng chính sách, vẫn có những quy định không chỉ không tháo gỡ mà còn kìm hãm, trói buộc phát triển, vẫn theo tư duy “quản được đến đâu thì mở ra đến đấy”, tức là không theo kịp sự phát triển, chưa đáp ứng yêu cầu của Chính phủ.

Về mặt điều hành, TS. Nguyễn Đức Kiên cho rằng, trong nhiệm kỳ này, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chọn được điểm điều hành đột phá, mấu chốt, tác động lan tỏa. Ngay đầu nhiệm kỳ, việc xử lý vụ việc của Formosa tương đối ổn cả về mặt môi trường, xã hội và kinh tế.

Một ví dụ khác, nhìn nhận sức mua trong nước có hạn, chúng ta đã đẩy mạnh xuất khẩu. Mặt khác, có những giải pháp để xử lý những vướng mắc, hạn chế về cơ cấu, khả năng cạnh tranh của hàng xuất khẩu Việt Nam. Chính phủ đã trình Quốc hội sửa đổi Luật Đầu tư để thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP của Bộ Chính trị về thu hút đầu tư nước ngoài nhằm khắc phục những hạn chế trong công tác này, trong đó có mục tiêu nâng cao phần giá trị gia tăng của Việt Nam trong các sản phẩm xuất khẩu từ khu vực FDI.

Cùng với đó, có thể kể đến những điểm điều hành đột phá khác như ứng phó hạn mặn tại Đồng bằng sông Cửu Long, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp, nhất là nông nghiệp công nghệ cao, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo... Thủ tướng Chính phủ cũng đã liên tục đối thoại với các giai tầng trong xã hội, công nhân, nông dân, doanh nhân...; lắng nghe các ý kiến nhiều chiều qua báo chí, dư luận... để có chỉ đạo, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

Bên cạnh đó, quan điểm nhất quán của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ là không tăng trưởng bằng mọi giá. Đây cũng là điểm khác biệt so với nhiều giai đoạn trước. Tính bền vững trong tăng trưởng thể hiện ở tỷ lệ đầu tư công trong tổng đầu tư toàn xã hội giảm, nợ công giảm, nhưng tỷ trọng đầu tư toàn xã hội vẫn giữ ở mức 31 đến 32% GDP, đạt mục tiêu kế hoạch đề ra, cho thấy việc huy động vốn trong xã hội, từ các thành phần kinh tế khác là tương đối tốt. Điều này có được nhờ các kết quả của nỗ lực hoàn thiện thể chế.

Đặc biệt, năm 2020, khi dịch bệnh ập tới, chúng ta đã ứng phó nhanh với quyết sách đúng đắn là vừa chống dịch, vừa phát triển kinh tế. “Nếu không, sẽ không thể có thành quả như ngày hôm nay. Quan điểm phòng dịch hơn chống dịch xuất phát từ người điều hành hiểu rất rõ thực lực đất nước và thực tế cho thấy, chúng ta đã làm khâu phòng dịch rất tốt”, TS. Nguyễn Đức Kiên nhận định.

Chính phủ cũng điều chỉnh rất kịp thời các giải pháp phòng chống dịch, phù hợp với tình hình và nhận thức từng thời điểm về dịch bệnh. Khi dịch mới bùng phát, cơ chế lây nhiễm chưa rõ ràng, chúng ta tiến hành giãn cách xã hội trên cả nước; sau 3 tuần, chúng ta cách ly 1 xã ở Hạ Lôi, sau đó cách ly một khu phố như Trúc Bạch và rồi đến cách ly một đơn nguyên vài nhà, rồi cách ly tại nhà...

“Nhờ đó, điểm sáng lớn nhất của năm 2020 là ổn định kinh tế đất nước, ổn định xã hội trong bối cảnh đại dịch, vừa giữ được tăng trưởng dương, nâng cao niềm tin của người dân vào Đảng, Nhà nước”, TS. Nguyễn Đức Kiên khẳng định.

Nhắc tới hai mục tiêu 100 năm (năm 2030, dịp 100 năm Ngày thành lập Đảng và năm 2045, dịp 100 năm Ngày lập nước), TS. Nguyễn Đức Kiên cho rằng, Việt Nam đã có kinh nghiệm chuyển đổi viễn thông, đưa Việt Nam vào nhóm 30 nước hàng đầu thế giới về viễn thông và công nghệ thông tin. Đây là một lợi thế trong chuyển đổi số.

Mặt khác, chuyển đổi số không đòi hỏi một số vốn quá lớn như điện khí hóa, tự động hóa trước đây, từ đó, mở ra cơ hội tương đương nhau cho tất cả các quốc gia. Vấn đề đặt ra là, phải tiếp tục đổi mới mạnh mẽ nhận thức, tư duy, coi chất xám là tài nguyên quan trọng nhất và muốn phát huy được nguồn tài nguyên này, thể chế phải tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển, khơi thông mọi nguồn lực.

*Nguồn: baohinhphu.vn*

## **NÂNG CẤP 28 DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN NGÀNH HÀNG KHÔNG LÊN MỨC ĐỘ 4; ĐẾN NĂM 2030 KHÔNG CÒN GIAO DỊCH TIỀN MẶT TRONG HOẠT ĐỘNG GIAO THÔNG VẬN TẢI**

### **\* Nâng cấp 28 dịch vụ công trực tuyến ngành hàng không lên mức độ 4**

Cục Hàng không Việt Nam vừa hoàn thành nâng cấp 28 dịch vụ công trực tuyến từ mức độ 3 lên mức độ 4, mức cao nhất hiện nay.

Thực hiện chỉ tiêu đến năm 2020, cung cấp 30% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025 và các văn bản chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải, cho đến ngày 08/12/2020, Cục Hàng không Việt Nam đã hoàn thành cung cấp 28 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4, đạt tỷ lệ 38% trong tổng số dịch vụ công trực tuyến lĩnh vực hàng không.

Để đạt được kết quả như trên trong thời gian qua, dưới sự chỉ đạo mạnh mẽ, quyết liệt của Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, các đơn vị đã tích cực thực hiện các biện pháp để đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến như: rà soát để lựa chọn các thủ tục hành chính đưa lên dịch vụ công trực tuyến mang lại hiệu quả cao; tận dụng để nâng cấp, phát triển các hệ thống thông tin hiện có nhằm bảo đảm khả năng sẵn sàng tiếp nhận hồ sơ trực tuyến và xử lý hồ sơ hoàn toàn trên môi trường mạng.

Cùng với đó, Cục Hàng không Việt Nam cũng tập trung triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, kết nối các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu để giảm thành phần hồ sơ phải nộp hoặc xuất trình khi thực hiện thủ tục trực tuyến. Đồng thời, tích cực triển khai các hoạt động hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến hiệu quả; khuyến khích tổ chức, cá nhân đăng ký nộp hồ sơ qua mạng khi có nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính; chỉ đạo, quán triệt đội ngũ công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận Một cửa phải tăng cường hỗ trợ,

hướng dẫn, khuyến khích cá nhân, tổ chức đến liên hệ giải quyết hồ sơ hành chính đăng ký đề nộp hồ sơ trực tuyến; chỉ tiếp nhận hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính thực hiện dịch vụ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 giữa các cơ quan nhà nước khi nộp trực tuyến...

Danh sách 28 dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 lĩnh vực hàng không được công bố trên Cổng dịch vụ công và hệ thống thông tin một cửa điện tử - Bộ Giao thông vận tải, xem tại đây.

**\* Đến 2030 không còn giao dịch tiền mặt trong hoạt động giao thông vận tải**

Bộ Giao thông vận tải ban hành “Chương trình chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Trong đó, mục tiêu đến 2030 xóa bỏ các giao dịch sử dụng tiền mặt trong hoạt động giao thông vận tải.

Đến 2025, với mục tiêu phát triển chính phủ số, sẽ hình thành được cơ sở hạ tầng dữ liệu của ngành Giao thông vận tải, trong đó có cơ sở dữ liệu nền tảng dùng chung được kết nối, tích hợp dữ liệu từ các hệ thống nghiệp vụ chuyên dùng nhằm cung cấp thông tin phục vụ quản lý, điều hành Giao thông vận tải tới được người ra quyết định đầy đủ, kịp thời và chính xác.

Cung cấp đầy đủ dữ liệu mở của ngành Giao thông vận tải đối với các số liệu thống kê hàng năm và các loại thông tin phải được công khai theo quy định của pháp luật. 100% hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Giao thông vận tải được quản lý theo dõi tiến độ xử lý trên Cổng dịch vụ công và hệ thống một cửa điện tử. Tất cả các dịch vụ công phổ biến liên quan tới nhiều người dân và doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến mức độ 3, 4 và được tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia; tối thiểu 50% số lượng bộ hồ sơ thực hiện tại Bộ Giao thông vận tải được nộp trực tuyến mức độ 3, 4...

Với mục tiêu phát triển kinh tế số đến 2025, 100% các tuyến đường bộ cao tốc có triển khai lắp đặt hệ thống quản lý, điều hành giao thông thông minh (ITS); hình thành được các trung tâm tích hợp quản lý, điều hành giao thông của đô thị thông minh tại các thành phố trực thuộc Trung ương và địa phương có nhu cầu.

Hệ thống thu phí điện tử không dừng (ETC) được triển khai đồng bộ tại tất cả các trạm thu phí trên toàn quốc, tiến tới xóa bỏ tất cả các làn thu phí sử dụng tiền mặt.

Tạo ra các nền tảng số kết nối dịch vụ vận tải đa phương thức, xây dựng chuỗi cung ứng logistics được làm chủ bởi doanh nghiệp của Việt Nam...

Giai đoạn đến năm 2030, với mục tiêu phát triển Chính phủ số, hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng dữ liệu của ngành Giao thông vận tải với các nguồn dữ liệu được cập nhật thường xuyên, đầy đủ và chính xác; tạo lập được cơ sở dữ liệu không gian về kết cấu hạ tầng giao thông có đủ tính pháp lý để khai thác sử dụng trong các hoạt động quản lý, điều hành và phát triển của ngành.

Với mục tiêu phát triển kinh tế số, hệ thống giao thông thông minh được triển khai rộng khắp trên mạng lưới giao thông toàn quốc; có sự kết nối đồng bộ, liên thông kết cấu hạ tầng giao thông các lĩnh vực đường bộ, đường sắt, hàng hải, đường thủy nội địa và hàng không.

*Nguồn: tapchigiaothong.vn/thoibaotaichinhvietnam.vn*



## BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM: HÀNG NGHÌN THẺ BẢO HIỂM Y TẾ ĐƯỢC CẤP LẠI, GIA HẠN TRÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA

Bảo hiểm Xã hội Việt Nam cho biết, tính đến nay, đơn vị này đã tiếp nhận, giải quyết cấp lại 2.277 thẻ bảo hiểm y tế do hỏng, mất và thực hiện gia hạn thẻ bảo hiểm y tế theo hộ gia đình cho 2.533 trường hợp trên Công dịch vụ công quốc gia.

Đây là 1 trong 15 dịch vụ công, thủ tục hành chính của ngành Bảo hiểm xã hội, dịch vụ công liên thông với các Bộ, ngành đã được cung cấp trên Công dịch vụ công quốc gia.

Cụ thể, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã tiếp nhận, giải quyết cấp lại 2.277 thẻ bảo hiểm y tế do hỏng, mất trên Công dịch vụ công quốc gia; tiếp nhận thanh toán trực tuyến qua Công dịch vụ công quốc gia, thực hiện gia hạn thẻ bảo hiểm y tế theo hộ gia đình (2.533 trường hợp), đóng tiếp bảo hiểm xã hội tự nguyện (796 trường hợp) và đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (69 trường hợp) trên Công dịch vụ công quốc gia; tiếp nhận, xử lý 899 hồ sơ (317 hồ sơ hợp lệ, 582 hồ sơ không hợp lệ) đề nghị hỗ trợ do ảnh hưởng COVID-19 từ Công dịch vụ công quốc gia.

Bảo hiểm Xã hội Việt Nam cũng đã kết nối, tích hợp dùng chung hệ thống thanh toán trực tuyến (Payment Platform) của Công dịch vụ công quốc gia. Qua đó kết nối, tích hợp thành công 3 dịch vụ thanh toán trực tuyến với Công dịch vụ công quốc gia gồm: gia hạn thẻ bảo hiểm y tế theo hộ gia đình; đóng tiếp bảo hiểm xã hội tự nguyện; đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp. Tính đến nay, đã có 3.398 lượt thanh toán thành công.

Cũng tính đến nay, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã tiếp nhận trên 220 phản ánh, kiến nghị của người dân và doanh nghiệp. Các phản ánh, kiến nghị tập trung vào một số nội dung như vướng mắc trong thực hiện thanh toán gia hạn trực tuyến thẻ bảo hiểm y tế theo hộ gia đình, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và người lao động do đại dịch COVID-19, đã được các đơn vị nghiệp vụ của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam và Bảo hiểm xã hội các tỉnh, thành phố giải quyết kịp thời, đúng hạn, đáp ứng yêu cầu của người dân và doanh nghiệp.

Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã triển khai máy chủ SS (Security Server), phối hợp với Trung tâm tin học (Văn phòng Chính phủ) thực hiện cài đặt máy chủ SS, thực hiện nâng cấp tài nguyên cho máy chủ SS đáp ứng yêu cầu hoạt động thực tế khi cung cấp dịch vụ công quốc gia; thực hiện giám sát hoạt động của máy chủ 24/7 bằng công cụ giám sát hiệu năng (RAM, CPU, DISK...), giám sát hoạt động của các dịch vụ trên máy chủ SS, giám sát kết nối đường truyền riêng giữa Bảo hiểm Xã hội Việt Nam với Văn phòng Chính phủ, kịp thời phối hợp với Văn phòng Chính phủ xử lý ngay khi có sự cố xảy ra. Việc giám sát, kiểm tra, quản trị, vận hành hệ thống, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin được Bảo hiểm Xã hội Việt Nam thực hiện theo tiêu chuẩn ISO/IEC 27001:2013 về hệ thống quản lý an toàn thông tin.

Các hoạt động trên của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam nhằm thực hiện nghiêm túc các Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 24/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Danh mục dịch vụ công tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia năm 2020; Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

*Nguồn: baochinhphu.vn*

## ĐẨY MẠNH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CÔNG CHỨNG

Đây là nội dung được thể hiện đậm nét trong Nghị quyết số 172/NQ-CP ngày 19/11/2020 của Chính phủ về chính sách phát triển nghề công chứng với mục tiêu phát triển nghề này ổn định, bền vững nhằm tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận dịch vụ công chứng, bảo đảm an toàn pháp lý cho các bên tham gia giao dịch, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp.

Thực tiễn hoạt động công chứng thời gian qua đã đạt được thành tựu bước đầu về ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách thủ tục hành chính, trong đó phải kể đến một số kết quả như: đã có cơ sở dữ liệu công chứng, hầu hết các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã ban hành và đưa vào sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu công chứng, điều này đã giúp cho việc cung cấp thông tin về tình trạng pháp lý của tài sản, thông tin ngăn chặn và chia sẻ thông tin trong hoạt động công chứng. Thủ tục hành chính trong hoạt động công chứng cũng đã được thực hiện như cá nhân, tổ chức có quyền lựa chọn công chứng hoặc chứng thực hợp đồng, giao dịch.

Tuy nhiên, trong điều kiện hoạt động công chứng đang phải chịu nhiều tác động, trước hết là vấn nạn của loại tội phạm lừa đảo ở cấp độ tinh vi, phạm vi rộng, sau đó là yêu cầu để hội nhập thì việc ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động công chứng đòi hỏi phải nâng lên tầm cao mới.

Bộ Tư pháp đề nghị Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan tại địa phương tuyên truyền, phổ biến rộng rãi về phương thức, thủ đoạn của loại tội phạm “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và “làm giả con dấu tài liệu”; có văn bản gửi các tổ chức hành nghề công chứng nhằm quán triệt đội ngũ công chứng viên tuân thủ nguyên tắc hành nghề, thực hiện đúng thẩm quyền và trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Tăng cường kiểm tra, thanh tra, phát hiện, xử lý kịp thời hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm của tổ chức hành nghề công chứng, công chứng viên; thường xuyên bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng phát hiện tài liệu, giấy tờ giả, đối tượng giả mạo giấy tờ trong công chứng; nâng cao đạo đức hành nghề cho đội ngũ công chứng viên.

Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc hoàn chỉnh xây dựng hoặc tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp về cơ sở dữ liệu công chứng và quy chế khai

thác, sử dụng cơ sở dữ liệu công chứng theo quy định của Luật Công chứng để đảm bảo an toàn pháp lý trong hoạt động công chứng, tăng cường mối quan hệ phối hợp, xây dựng mạng thông tin kết nối, trao đổi thông tin giữa tổ chức hành nghề công chứng với các cơ quan liên quan như Văn phòng đăng ký đất đai, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường...

Nghị quyết số 172/NQ-CP đã đề ra 4 nhóm công việc trong nhiệm vụ, giải pháp về ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động công chứng. Theo đó, hoàn chỉnh xây dựng cơ sở dữ liệu công chứng, trong đó có việc tiếp tục rà soát phát triển, nâng cấp công nghệ thông tin trên nền đã có để tương xứng với yêu cầu. Xây dựng kế hoạch triển khai, hướng dẫn việc kết nối, chia sẻ dữ liệu về đất đai, nhà ở, doanh nghiệp, dân cư với cơ sở dữ liệu công chứng bảo đảm việc kết nối liên thông giữa các Sở, ban, ngành có liên quan với các tổ chức hành nghề công chứng. Liên thông các thủ tục công chứng đăng ký quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và thuế. Chuẩn bị cho việc thực hiện công chứng trên môi trường điện tử.

Nghị quyết cũng xác định Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Hải Dương là 3 địa phương sẽ thực hiện thí điểm liên thông khi có yêu cầu của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục công chứng, đăng ký quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và thuế. Mặt khác cũng khuyến khích Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khác thực hiện thí điểm liên thông đối với các thủ tục này.

*Nguồn: baophapluat.vn*

## **TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM: CUNG CẤP 100% CÁC DỊCH VỤ ĐIỆN TRỰC TUYẾN LÊN CÔNG DỊCH VỤ CÔNG QUỐC GIA**

Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) cho biết, sau 1 năm tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia, EVN đã cung cấp 100% các dịch vụ điện trực tuyến mức độ 4 lên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Theo đó, số lượng yêu cầu các dịch vụ điện qua Cổng dịch vụ công quốc gia đến ngày 30/11/2020 là gần nửa triệu yêu cầu, lượng hồ sơ đồng bộ lên cổng là gần 1,5 triệu hồ sơ. Các dịch vụ điện luôn nằm trong nhóm các dịch vụ nổi bật của cổng, được nhiều người sử dụng nhất, chiếm tỷ lệ 77,16% số yêu cầu của các Bộ, ngành, địa phương được người dân và doanh nghiệp thực hiện trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Việc thực hiện cập nhật, công khai, quản lý dịch vụ của EVN trên cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, EVN đã thực hiện khai báo danh mục 100% các dịch vụ điện trực tuyến mức độ 4 đã được tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia lên trên hệ thống cơ sở dữ liệu dịch vụ công quốc gia tại website do Văn phòng Chính phủ cung cấp, các dịch vụ điện của EVN đều được công bố trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Trong suốt thời gian vừa qua, việc quản trị vận hành được EVN chỉ đạo phân công cụ thể trách nhiệm cho từng đơn vị để đảm bảo hệ thống kết nối cung cấp dịch vụ được vận hành liên tục.

Việc quản trị dịch vụ điện tại địa chỉ [quantri.dichvucong.gov.vn](http://quantri.dichvucong.gov.vn) được EVN thực hiện thường xuyên để kịp thời phát hiện và phối hợp với VNPT xử lý thông tin, đảm bảo tính thống nhất giữa hệ thống Cổng dịch vụ công quốc gia và hệ thống cung cấp dịch vụ của EVN.

Để cải cách, đơn giản hóa thành phần hồ sơ trong dịch vụ điện, EVN đã thực hiện rà soát lại quy trình và loại bỏ các giấy tờ như Giấy đề nghị mua điện, giấy tờ tùy thân (trừ trường hợp giấy xác nhận nhân thân của Công an phường, xã nếu khách hàng không có các giấy tờ tùy thân khác) và thay thế bằng các thông tin trên Website giao dịch trực tuyến và thông tin người dùng đã được Cổng dịch vụ công quốc gia xác thực.

Bên cạnh đó, để thuận lợi cho khách hàng, trong quy trình kinh doanh của EVN cho phép bổ sung giấy tờ còn thiếu (nếu có) khi thực hiện khảo sát hoặc thi công tại địa điểm của khách hàng nên điện lực có thể thực hiện chụp ảnh hồ sơ và kiểm chứng các thông tin này ngay tại địa điểm của khách hàng.

EVN cũng đã đẩy mạnh việc triển khai cung cấp dịch vụ theo phương thức điện tử để thiết lập trải nghiệm điện tử trên toàn bộ hành trình trải nghiệm các dịch vụ điện của khách hàng.

Trong thời gian tới đây, để Cổng dịch vụ công quốc gia ngày càng thân thiện và thuận lợi hơn nữa, EVN đã kiến nghị Văn phòng Chính phủ tiếp tục hoàn thiện cơ chế xác thực điện tử tài khoản, người dùng của Cổng dịch vụ công quốc gia bằng các nguồn cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai; sớm triển khai kết nối các dịch vụ công giữa các bộ, ngành, địa phương để tạo cơ chế “một cửa liên thông” nhằm tiếp tục cắt, giảm các hồ sơ, thủ tục tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, góp phần cải thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam.

*Nguồn: bnews.vn*

## **BỘ NỘI VỤ: ĐỀ XUẤT TRỌNG DỤNG NHÂN TÀI THEO HƯỚNG “CÓ VÀO, CÓ RA; CÓ LÊN, CÓ XUỐNG”**

Đây là nội dung được Bộ Nội vụ đề xuất trong dự thảo “Chiến lược quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài” (Chiến lược) kèm theo Tờ trình số 6447/TTr-BNV ngày 05/12/2020 của Bộ Nội vụ trình Thủ tướng Chính phủ tại về việc phê duyệt “Chiến lược quốc gia thu hút, trọng dụng nhân tài”.

Cụ thể, trọng dụng nhân tài là yếu tố truyền thống của dân tộc ta từ xưa đến nay. Quan điểm nhất quán của Đảng, Nhà nước ta về thu hút trọng dụng nhân tài đã có từ trước đến nay, nhưng chưa được xây dựng thành chiến lược quốc gia hoàn chỉnh, chưa được thể chế bằng một văn bản ở tầm đạo luật (như Chiếu cầu hiền xưa kia) có đủ sức thuyết phục và sức mạnh cưỡng chế thi hành trên phạm vi cả nước. Hiện nay, vấn đề này chỉ được quy định rải rác



trong một số văn bản luật, thiếu tính hệ thống và không mang tính chuyên ngành nên chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài mỗi nơi làm một khác, có tính chiếu lệ, không thực chất.

Vì vậy, việc ban hành Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài làm cơ sở cho việc ban hành các văn bản pháp luật tương ứng là nhiệm vụ vô cùng cấp thiết, nhất là trong bối cảnh đất nước đang cần một lực lượng nhân lực chất lượng cao trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội để thích ứng với những biến đổi nhanh chóng, toàn diện từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu.

Về cơ sở pháp lý, những chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đã được ban hành thời gian qua là minh chứng rõ nhất về việc Đảng và Nhà nước ta đã nhận thức đầy đủ về vai trò của nhân tài và sự cần thiết phải thu hút, trọng dụng nhân tài trong công cuộc xây dựng đất nước và phát triển kinh tế - xã hội. Nhà nước ta đã thể chế hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng thành chính chính, pháp luật đối với người có tài năng là cán bộ, công chức, viên chức và thu hút nhân tài, nhân lực chất lượng cao từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc; người có học hàm, học vị cao; tài năng trẻ vào làm việc trong cơ quan nhà nước.

Theo quan điểm thu hút, trọng dụng nhân tài, Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài là bộ phận rất quan trọng trong Chiến lược cán bộ của Đảng. Xây dựng tổ chức thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài phải tuân thủ đường lối, chính sách cán bộ của Đảng, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác cán bộ.

Thống nhất nhận thức về nhân tài là nguồn lực quan trọng nhất để phát triển đất nước hùng cường; là tiềm lực và sức mạnh của quốc gia; là hạt nhân của nền kinh tế trí thức; là yếu tố then chốt của sự phát triển. Đội ngũ nhân tài phải tiêu biểu cho nền văn hóa và trí tuệ Việt Nam vừa có tài vừa có đức, năng lực sáng tạo và khát khao cống hiến vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, ngày càng phồn vinh, hạnh phúc.

Đồng thời, thu hút, trọng dụng nhân tài vừa là nhiệm vụ cấp bách trước mắt, vừa là nhiệm vụ chiến lược, thường xuyên và lâu dài của cấp ủy đảng, chính quyền. Việc phát hiện, tiến cử nhân tài là quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của mọi công dân, mọi cơ quan, tổ chức. Thực hiện phương châm “Kết nối với nhân tài của ngày mai từ những người có triển vọng tài năng của ngày hôm nay” và phương châm “Bốn tốt” (Đãi ngộ tốt - Cơ hội thăng tiến tốt - Môi trường làm việc tốt - Để sáng tạo tốt) trong chính sách phát hiện, thu hút, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài.

Xây dựng chính sách nhân tài đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch. Có cơ chế đãi ngộ đặc biệt, tạo lập môi trường làm việc tốt để nhân tài phát huy năng lực, thể hiện tài năng cống hiến cho đất nước ở tất cả các ngành, lĩnh vực; có chính sách khen thưởng những cá nhân, tổ chức tiến cử, phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo và sử dụng đúng nhân tài; xử lý nghiêm những hành vi lạm dụng quyền lực để gây cản trở, trù dập nhân tài...

Phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài là khâu đột phá trong công tác cán bộ của cả hệ thống chính trị. Ưu tiên thực hiện với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị; với cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ; tập trung vào đối tượng cán bộ nguồn cấp chiến lược; chuyên gia,

nhà quản lý giỏi; nhà khoa học đầu ngành, ưu tú, tiêu biểu; nhà khoa học trẻ tài năng, tài năng trẻ từ học sinh, sinh viên, thanh niên và một số cá nhân có thành tích tiêu biểu, vượt trội.

Thu hút, trọng dụng nhân tài theo hướng “có vào, có ra; có lên, có xuống” trở thành nếp văn hóa ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức; trở thành bình thường trong công tác cán bộ, nhằm khuyến khích, tạo môi trường, cơ hội cho người có triển vọng tài năng và tài năng thực sự phát triển. Tiến tới hình thành và phát triển thị trường nhân tài trong nước và khai thác hiệu quả thị trường nhân tài quốc tế, chủ động tạo nguồn cung cấp lực lượng lao động chất lượng cao, đủ khả năng và điều kiện giải quyết các nhiệm vụ phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Theo Chiến lược, từ năm 2021 đến năm 2025, 100% các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành và triển khai thực hiện chính sách cụ thể thu hút, trọng dụng nhân tài phù hợp với Chiến lược này và tình hình thực tiễn. Có trọng tâm, trọng điểm, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững như: chính trị và quản lý điều hành nhà nước; khoa học, công nghệ cao, đặc biệt là công nghệ số, cơ sở dữ liệu, tự động hóa...; giáo dục; y tế; công nghệ sinh học; văn hóa, thể thao...

Từ năm 2026 đến năm 2030, 100% các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương bảo đảm khung tỷ lệ tối thiểu từ 2% đến 5% trở lên nhân tài trong cơ cấu lãnh đạo, quản lý; từ 10% đến 15% trở lên trong cơ cấu chuyên môn, nghiệp vụ. Từ năm 2030 trở đi, phấn đấu mỗi năm tăng thêm ít nhất 1% trở lên với cơ cấu lãnh đạo, quản lý và 3% trở lên trong cơ cấu chuyên môn, nghiệp vụ.

Trên cơ sở các mục tiêu, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có số lượng cán bộ, công chức, viên chức nhiều thì đặt mục tiêu và tỷ lệ cao; ngược lại, những cơ quan, tổ chức, đơn vị có số lượng ít thì đặt mục tiêu phù hợp nhưng phải bảo đảm tỷ lệ chung theo quy định.

Chiến lược yêu cầu quán triệt đầy đủ đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài. Tạo sự đồng thuận cả trong nhận thức, chính sách, quy định và được cụ thể hóa trong thực tiễn tổ chức thực hiện chính sách nhân tài. Chính sách nhân tài phải đồng bộ, nằm trong tổng thể chương trình cải cách hành chính về công chức, công vụ. Kế thừa và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, đồng thời, đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế, phù hợp với xu thế của thời đại.

Chiến lược nhân tài phải gắn với chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhằm tạo lập, bồi dưỡng đội ngũ nhân tài đích thực. Phải xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ và phải phù hợp với đặc điểm và vị trí việc làm của từng cơ quan, đơn vị. Các giải pháp, đề xuất phải có tính khả thi, bền vững. Có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng giữa các cơ quan, đơn vị trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật. Phải có lộ trình triển khai, đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm để có những giải pháp khắc phục kịp thời, theo từng giai đoạn cụ thể.

Chiến lược đề ra 08 giải pháp thực hiện bao gồm: (1) Hoàn thiện và nâng cao chất lượng, hiệu quả thi hành chính sách pháp luật về thu hút, trọng dụng nhân tài; (2) Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của nhân tài và chính sách pháp luật về thu hút, trọng dụng nhân tài; (3) Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nhân tài gắn với tạo nguồn nhân tài; (4) Tạo môi trường, điều kiện làm việc;

(5) Thành lập quỹ phát triển nhân tài quốc gia; (6) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách nhân tài; (7) Hợp tác quốc tế để thực hiện chiến lược và (8) Kinh phí.

Về thời gian thực hiện của Chiến lược, thời gian thực hiện từ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, chia thành 02 giai đoạn cụ thể:

Giai đoạn 1, từ năm 2021 - 2025: Tập trung hoàn thiện, chuẩn hóa, đồng bộ thể chế pháp luật về thu hút, trọng dụng nhân tài, bảo đảm đồng bộ với quy định về công tác cán bộ của Đảng. Thành lập Quỹ phát triển nhân tài quốc gia. Bước đầu triển khai thực hiện thí điểm ở một số bộ, ngành, địa phương. Giữa năm 2025 tổ chức sơ kết giai đoạn 1.

Giai đoạn 2, từ năm 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045: Tập trung triển khai thi hành Chiến lược đồng bộ từ Trung ương đến cấp cơ sở. Giữa năm 2030 tổ chức tổng kết việc thực hiện Chiến lược.

Bộ Nội vụ được giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về nhân tài; xây dựng kế hoạch và danh mục các đơn vị thực hiện thí điểm trong giai đoạn 2021 - 2025 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; Xây dựng và thực hiện kế hoạch thu hút, trọng dụng và đào tạo, bồi dưỡng nhân tài trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước; Hướng dẫn, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc tổ chức thực hiện Chiến lược, định kỳ và hàng năm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

*Nguồn: moha.gov.vn*

## **BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ: SỐ HÓA VÀ LƯU TRỮ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP VÀO CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA**

Bộ Kế hoạch và Đầu tư vừa thông báo lấy ý kiến góp ý của Nhân dân đối với dự thảo Thông tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp. Theo dự thảo, cần số hóa và lưu trữ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Dự thảo Thông tư quy định các mẫu văn bản sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh và hướng dẫn chi tiết một số vấn đề liên quan đến đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh. Các mẫu văn bản ban hành kèm theo Thông tư này được sử dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

Dự thảo nêu rõ, khi thực hiện cấp đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện việc số hóa hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, tải và lưu trữ đầy đủ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Đối với những hồ sơ đăng ký doanh nghiệp chưa được số hóa khi thực hiện cấp đăng ký doanh nghiệp, hàng năm, Phòng Đăng ký kinh doanh xây dựng kế hoạch triển khai và kế hoạch ngân sách để tổ chức thực hiện việc số hóa và lưu trữ đầy đủ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

Về chuẩn hóa dữ liệu đăng ký doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, dự thảo quy định: Đối với thông tin đăng ký doanh nghiệp được chuyển đổi vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp từ dữ liệu về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại các Phòng Đăng ký kinh doanh và cơ quan đăng ký đầu tư, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, căn cứ thông tin lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo về việc rà soát thông tin đăng ký doanh nghiệp, tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đến doanh nghiệp, yêu cầu doanh nghiệp đối chiếu thông tin và phản hồi tới Phòng Đăng ký kinh doanh trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày Phòng Đăng ký kinh doanh gửi thông báo và chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin đã đăng ký theo quy định tại Khoản 3 Điều 8 Luật Doanh nghiệp.

Theo dự thảo, tổ chức, cá nhân có thể đề nghị được cung cấp thông tin quy định tại Khoản 1 Điều 33 Luật Doanh nghiệp tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh thuộc Cục Quản lý đăng ký kinh doanh) hoặc tại Phòng Đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính hoặc thông qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và phải trả phí theo quy định.

Trung tâm hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin của tất cả các doanh nghiệp lưu giữ trên Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Phòng Đăng ký kinh doanh cung cấp thông tin về doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong phạm vi địa phương quản lý. Mức phí cung cấp thông tin thực hiện theo quy định của pháp luật.

*Nguồn: baohinhphu.vn*



## **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH: TINH GIẢN BIÊN CHẾ GẮN VỚI ĐẨY MẠNH PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN; YÊU CẦU CÁN BỘ PHẢI CÓ CÁCH LÀM MỚI ĐỂ CHUYỂN ĐỔI SỐ HIỆU QUẢ**

### **\* Tinh giản biên chế gắn với đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền**

Thời gian qua, TP. Hồ Chí Minh đã nỗ lực, quyết liệt triển khai nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh nền hành chính công; trong đó, tập trung vào nhóm giải pháp tinh giản biên chế gắn với đẩy mạnh phân cấp ủy quyền, đặc biệt là khi Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019 - 2021 và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc TP. Hồ Chí Minh vừa được Quốc hội thông qua.

Theo Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh Ngô Minh Châu, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính thành phố, trong năm 2021, thành phố sẽ tiếp tục rà soát, sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, đơn vị hành chính, tinh giản biên chế, thực hiện chính sách thu hút chuyên gia, nhà khoa học, người có tài năng đặc biệt. Bên cạnh đó, thành phố thực hiện đề án chi tiết sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn giai đoạn 2019 - 2021 theo Đề án chính quyền đô thị và công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Định hướng công tác cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025, đại diện Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh cho biết, bên cạnh việc cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức để giảm số biên chế cho phù hợp với số biên chế do Chính phủ giao, thành phố cũng sẽ trình Chính phủ ban hành Nghị định thay thế Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12/12/2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho TP. Hồ Chí Minh. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh phân cấp cho các cơ quan, đơn vị thực hiện một số nhiệm vụ quyền hạn của Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh; tổ chức triển khai việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã chưa đạt chuẩn 50% cả 2 tiêu chí về diện tích và dân số.

Đáng chú ý, vừa qua Quốc hội đã thông qua Nghị quyết tổ chức chính quyền đô thị tại TP. Hồ Chí Minh (bao gồm Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019-2021 và thành lập thành phố Thủ Đức). Hiện nay, thành phố khẩn trương triển khai các phần việc để xây dựng chính quyền đô thị. Trong đó, về mặt tổ chức bộ máy hành chính, thành phố sẽ tinh giản 2 đơn vị hành chính cấp huyện (do gộp Quận 2, Quận 9, quận Thủ Đức để thành lập thành phố Thủ Đức), giảm 10 đơn vị hành chính cấp xã từ 322 xuống còn 312 phường, xã, thị trấn (do sáp nhập một số phường trên địa bàn các Quận 2, 3, 4, 5, 10 và Phú Nhuận).

Về việc triển khai đề án thành lập thành phố Thủ Đức, theo Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh Nguyễn Thành Phong, thành phố Thủ Đức sẽ được cập nhật vào quy hoạch

chung TP. Hồ Chí Minh (đang điều chỉnh) và kêu gọi đầu tư. TP. Hồ Chí Minh chủ động đẩy mạnh việc phân cấp, ủy quyền ở mức cao nhất cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức để tạo tính đột phá, phát huy cao nhất tính hiệu lực, hiệu quả trong hoạt động quản lý, điều hành. Mục tiêu là xây dựng thành phố Thủ Đức phát triển hiện đại, theo xu hướng xanh, thân thiện môi trường.

Theo Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh, trong năm 2020, công tác cải cách hành chính tiếp tục được triển khai quyết liệt, chặt chẽ, xuyên suốt, nhanh chóng đề ra các giải pháp linh hoạt thay đổi phương thức làm việc và phục vụ người dân, doanh nghiệp khi ứng phó với dịch COVID-19. Năm 2020, thành phố cũng đã ban hành 51 quyết định phê duyệt 936 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính; trong đó, có 73 quy trình liên thông giữa các sở ngành - Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố - Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố. Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã ủy quyền cho thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận/huyện thực hiện 85 đầu việc như điều động, chuyển công tác và tiếp nhận công chức, viên chức, phê duyệt danh sách hỗ trợ kinh phí cho người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19, cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, thực hiện một số nội dung đấu thầu lựa chọn chủ đầu tư dự án Khu liên hợp nhà ở, văn phòng thương mại Tân Đà - Hàm Tử (Quận 5)...

Trong khi đó, đối với công tác sắp xếp, tổ chức bộ máy, kể từ khi thực hiện Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ cho đến tháng 11/2020, thành phố đã tinh giản biên chế đối với 1.105 trường hợp. Việc kiện toàn bộ máy chính quyền, xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước.

#### **\* Yêu cầu cán bộ phải có cách làm mới để chuyển đổi số hiệu quả**

TP. Hồ Chí Minh đặt mục tiêu đến năm 2025, tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 50% trở lên; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

Theo Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh Dương Anh Đức, các nước trên thế giới đang tiến hành xây dựng đô thị thông minh, thúc đẩy chuyển đổi số, Việt Nam nói chung và TP. Hồ Chí Minh - thành phố lớn, năng động, đầu tàu kinh tế của cả nước - nói riêng cũng sẽ không thể nằm ngoài xu hướng này.

“Hiện nay, chương trình chuyển đổi số của TP. Hồ Chí Minh có vai trò đặc biệt quan trọng, quyết định sự phát triển của thành phố từ nay đến năm 2030. Vì vậy, để thực hiện chương trình chuyển đổi số thành công, TP. Hồ Chí Minh cần phải đổi mới tư duy và thống nhất nhận thức. Theo đó, TP. Hồ Chí Minh cũng yêu cầu mọi cán bộ, công chức, viên chức và công dân phải có tư duy, cách làm mới, dám nghĩ, dám làm, thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của môi trường sống, làm việc với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đặc biệt, TP. Hồ Chí Minh cũng khuyến khích doanh nghiệp, đơn vị, người dân ứng dụng các phần mềm, giải pháp công nghệ hiện đại vào quá trình xử lý dữ liệu để đáp ứng được những yêu

cầu khát khe của thời đại công nghệ 4.0 để tăng hiệu quả, năng suất công việc cũng nhưng đáp ứng đầy đủ nhu cầu mà khách hàng đặt ra”, ông Dương Anh Đức cho biết.

Theo Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh, Chương trình chuyển đổi số của TP. Hồ Chí Minh được xây dựng dựa trên Chương trình chuyển đổi số quốc gia, Đề án xây dựng TP. Hồ Chí Minh trở thành đô thị thông minh giai đoạn 2017 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025 và Kiến trúc chính quyền điện tử TP. Hồ Chí Minh.

Theo đó, TP. Hồ Chí Minh đặt mục tiêu đến năm 2025, tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt từ 50% trở lên; tối thiểu 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính. Đối với kinh tế số, dự kiến chiếm 25% GRDP, năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 7%; tỷ lệ người dân và doanh nghiệp có tài khoản thanh toán điện tử trên 60%; hạ tầng băng thông rộng phủ trên 95% hộ gia đình; phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

Dự kiến đến năm 2030, TP. Hồ Chí Minh có 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; kinh tế số chiếm 40% GRDP; năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 9%; tỷ lệ người dân và doanh nghiệp có tài khoản thanh toán điện tử trên 85%.

*Nguồn: baotintuc.vn*

## ĐÀ NẴNG: ĐƠN GIẢN HÓA HƠN 300 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Giai đoạn 2011 - 2020, TP. Đà Nẵng đã đơn giản hóa được hơn 300 thủ tục hành chính. TP. Đà Nẵng ban hành 15 đề án liên thông, liên kết nhiều lĩnh vực quan trọng như: đầu tư và đăng ký doanh nghiệp; xây dựng và quản lý đô thị; tư pháp; lao động - thương binh và xã hội; đất đai; văn hóa. Đáng chú ý, thành phố đã đơn giản hóa, rút ngắn 20% thời gian xử lý hồ sơ đối với các thủ tục hành chính liên quan đến xây dựng cơ bản trong đầu tư công. Về cải cách tổ chức bộ máy hành chính, thành phố đã sắp xếp 70 đơn vị và giảm 37 đơn vị sự nghiệp công lập; giảm 121 đơn vị cấp phòng; giảm 172 vị trí lãnh đạo, quản lý... Từ năm 2014 đến nay, TP. Đà Nẵng đã tinh giản biên chế 509 trường hợp bảo đảm đúng quy trình, thủ tục và phù hợp nguyện vọng. Thành phố liên tục đứng đầu trong 10 năm về Chỉ số sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông Việt Nam (Vietnam ICT Index) do Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp Hội Tin học Việt Nam đánh giá, xếp hạng.

Thời gian tới, thành phố tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng bám sát Chương trình tổng thể Cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 của Chính phủ và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện mới của thành phố; đồng thời sắp xếp, kiện toàn bộ máy các cơ quan hành chính, triển khai hiệu quả việc thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị theo Nghị quyết số 119/2020/QH14 của Quốc hội. Cùng với phát triển các ứng dụng, dịch

vụ phục vụ người dân, thành phố chú trọng phát triển các nền tảng tích hợp, đẩy mạnh chia sẻ dữ liệu giữa các ngành, các cấp.

*Nguồn: nhandan.com.vn*

## QUẢNG NINH: THI TUYỂN THU HÚT, TUYỂN CHỌN ĐƯỢC NHỮNG NGƯỜI ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO

Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh vừa có báo cáo tình hình, kết quả thực hiện chủ đề công tác năm 2020 về “Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức”. Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh cho biết, sau 3 năm tổ chức triển khai thực hiện Đề án thí điểm đổi mới cách tuyển chọn lãnh đạo quản lý cấp vụ, cấp sở, cấp phòng của Trung ương; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức thi tuyển, bổ nhiệm 8 công chức, viên chức diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; 195 công chức, viên chức diện đơn vị, địa phương quản lý; đang triển khai các bước để thực hiện thi tuyển trên 23 vị trí lãnh đạo quản lý.

“Qua đánh giá hàng năm, những cá nhân được bổ nhiệm sau thi tuyển chức danh lãnh đạo quản lý đã thể hiện, phát huy được năng lực, trình độ, hoàn thành tốt và xuất sắc nhiệm vụ được giao; thông qua thi tuyển đã thu hút, phát hiện, tuyển chọn những người có năng lực, trình độ, có tư duy đổi mới, sáng tạo, phẩm chất tốt, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ”, Sở Nội vụ cho hay.

Thực hiện chủ đề công tác năm 2020 của tỉnh về “Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức”, gắn với việc tiếp tục triển khai có hiệu quả Đề án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng và phát triển toàn diện nguồn nhân lực của tỉnh Quảng Ninh đến năm 2020 (Đề án 293), Sở Nội vụ đã phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương tham mưu phê duyệt tổ chức 112 lớp đào tạo, bồi dưỡng trong và ngoài nước, với tổng số 8.321 học viên, tổng kinh phí 27 tỷ đồng.

Cũng theo Sở Nội vụ, để đáp ứng nguyện vọng của cán bộ, công chức, viên chức, trong năm 2020, Hội đồng tỉnh giản biên chế của tỉnh đã nhanh chóng giải quyết chế độ, chính sách đối với 512 cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã đủ điều kiện được hưởng chính sách trợ cấp của Trung ương, chính sách hỗ trợ của tỉnh khi nghỉ công tác.

Sở Nội vụ khẳng định, chính sách tỉnh giản biên chế thực hiện hiệu quả sẽ là tiền đề để tuyển dụng mới những người trẻ có năng lực, tư duy hội nhập, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức nói chung và chất lượng công vụ nói riêng.

Trong thời gian qua, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã có những chỉ đạo liên quan đến các nội dung cải cách thủ tục hành chính, rà soát, đơn giản hóa và đưa thủ tục hành chính vào giải quyết tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh và Trung tâm hành chính công cấp huyện. Theo Sở Nội vụ, đến nay, tổng số thủ tục hành chính được công bố theo quy định là: 1.939.

Trong tổng số 1.535 thủ tục hành chính cấp tỉnh, đã đưa 100% các thủ tục có đủ điều kiện vào giải quyết tại Trung tâm phục vụ hành chính tỉnh, với số lượng 1.391 (tăng 47 thủ tục



hành chính so với năm 2019). Cấp huyện đã đưa 100% các thủ tục hành chính đưa vào giải quyết tại Trung tâm hành chính công cấp huyện...

Theo Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh, quy trình giải quyết của từng thủ tục hành chính được xây dựng, thực hiện theo nguyên tắc chung 5 bước: “Tiếp nhận - thẩm định - phê duyệt - đóng dấu - trả kết quả”. Đến nay, 100% các thủ tục hành chính đưa vào giải quyết tại Trung tâm được xây dựng quy trình giải quyết đảm bảo rõ người, rõ việc, rõ thời gian giải quyết và được kịp thời cập nhật công bố, niêm yết công khai, minh bạch.

Theo thống kê, từ đầu năm đến nay, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đã tiếp nhận 61.173 hồ sơ thủ tục hành chính, trong đó tiếp nhận mới 59.942 hồ sơ và năm trước chuyển sang 1.231 hồ sơ. Trung tâm cấp huyện tiếp nhận 667.696 hồ sơ trong đó tiếp nhận mới 654.143 hồ sơ, còn lại là hồ sơ năm trước chuyển sang; đã giải quyết và trả kết quả 655.178 hồ sơ, trong đó 649.488 hồ sơ đúng hạn và trước hạn.

“Với sự triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc tỉnh được nâng cao, công tác tham mưu của các cơ quan, đơn vị, địa phương đạt hiệu quả cao, được thể hiện qua sự phát triển ngày càng vượt bậc của tỉnh”, Sở Nội vụ cho hay.

*Nguồn: tienphong.vn*

## LẠNG SƠN: ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ ĐỂ CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH

Nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, thu hút đầu tư, những năm gần đây, công tác cải cách thủ tục hành chính của tỉnh Lạng Sơn đã có nhiều đột phá.

Công khai và thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, tăng cường dịch vụ công trực tuyến... là những giải pháp đang được tỉnh Lạng Sơn triển khai đồng bộ và quyết liệt.

Ông Bùi Văn Côi, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cho biết, xác định đơn giản hóa thủ tục hành chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, đầu năm 2020, Sở đã yêu cầu các phòng, đơn vị trực thuộc tập trung rà soát toàn bộ thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực của ngành quản lý để trình Ủy ban nhân dân tỉnh cắt giảm, đơn giản hóa. Định kỳ mỗi quý một lần, Sở tổ chức họp chuyên đề về cải cách thủ tục hành chính, tham vấn ý kiến các cơ quan, đơn vị như Trung tâm Phục vụ hành chính công, Cục Thuế, Hiệp hội Doanh nghiệp... về cải cách thủ tục hành chính, trong đó có đơn giản hóa thủ tục hành chính, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

Báo cáo tổng quát về công tác nâng Cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Lạng Sơn trong 5 năm qua đã cho thấy những nỗ lực của tỉnh trong cải cách hành chính. Tỉnh Lạng Sơn đã thực hiện nhiều cải cách, cải thiện môi trường đầu tư; tạo dựng môi trường thuận lợi hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp; đảm bảo quyền kinh doanh, quyền bình đẳng tiếp cận nguồn lực và cơ hội kinh doanh cho doanh nghiệp; tổ chức gặp mặt định kỳ, tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả quảng bá, xúc tiến đầu tư...

Đến nay, trên địa bàn tỉnh có trên 3.300 doanh nghiệp hoạt động, với tổng vốn đăng ký trên 29.000 tỷ đồng; tạo việc làm cho trên 50.200 lao động với thu nhập bình quân 5 - 6 triệu đồng/người/tháng. Giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư 110 dự án, với tổng vốn đăng ký trên 20.300 tỷ đồng.

Theo kết quả công bố Chỉ số PCI năm 2019 của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), tỉnh Lạng Sơn đạt 63,9 điểm (tăng 9,18 điểm so với năm 2015); xếp thứ 50/63 tỉnh, thành phố (tăng 7 bậc so với năm 2015), là tỉnh đứng đầu trong nhóm các tỉnh, thành phố đạt điểm trung bình.

Khẳng định quyết tâm của tỉnh trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao Chỉ số PCI, Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn Lâm Thị Phương Thanh cho biết, lãnh đạo tỉnh sẽ tiếp tục tìm giải pháp, chia sẻ, trao đổi thông tin về xây dựng môi trường đầu tư thuận lợi, thúc đẩy doanh nghiệp phát triển, đưa ra những cơ chế chính sách linh hoạt, áp dụng chuyển đổi số vào quản lý điều hành... Các cấp, các ngành của tỉnh Lạng Sơn coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên rà soát, phân tích từng chỉ số thành phần để có giải pháp nâng cao chỉ số PCI, phấn đấu trong giai đoạn 2021 - 2025, Chỉ số PCI của tỉnh Lạng Sơn nằm trong nhóm khá của cả nước.

Bí thư Tỉnh ủy Lạng Sơn nhấn mạnh, sẽ chỉ đạo đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là thủ tục hành chính; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; kiên quyết xử lý nghiêm cán bộ có hành vi nhũng nhiễu doanh nghiệp. Các doanh nghiệp, nhà đầu tư cần tích cực, chủ động phối hợp với các ngành liên quan tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, tạo môi trường đầu tư, kinh doanh lành mạnh, hiệu quả, phấn đấu để Lạng Sơn trở thành điểm sáng trong thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, có môi trường đầu tư thuận lợi.

*Nguồn: baodautu.vn*

## HÀ TỈNH: MỞ RỘNG THÍ ĐIỂM CHUYỂN GIAO MỘT SỐ NHIỆM VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG QUA DỊCH VỤ BƯU CHÍNH

Sáng ngày 16/12, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã tổ chức hội nghị sơ kết giai đoạn 1 Đề án thí điểm chuyển giao một số nhiệm vụ hành chính công thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích trên địa bàn tỉnh.

Theo báo cáo từ Ban Chỉ đạo đề án, nội dung thí điểm là nhân viên bưu điện sẽ thay công chức tại bộ phận một cửa cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thực hiện nhiệm vụ trực, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đối với bộ thủ tục hành chính các đơn vị thí điểm.

Bưu điện tỉnh đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho một số trung tâm hành chính công cấp huyện, bộ phận một cửa cấp xã. Sau khi hoàn thành trung tâm hành chính

công cấp huyện, bộ phận một cửa cấp xã các đơn vị thí điểm sẽ chuyển ra làm việc tại địa điểm mới do bưu điện xây dựng.

Đối với cấp tỉnh Ban Chỉ đạo đã chọn 6 đơn vị gồm: Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ, Sở Ngoại vụ, Sở Khoa học và Công nghệ.

Ở cấp huyện gồm: Ủy ban nhân dân thị xã Hồng Lĩnh và các huyện: Cẩm Xuyên, Lộc Hà, Kỳ Anh.

Đến nay, sau 1 năm triển khai thí điểm, qua đánh giá đối với cấp tỉnh thực hiện thí điểm đối với một số đơn vị có thủ tục hành chính đơn giản, số lượng hồ sơ phát sinh hàng ngày ít nên các nhân viên bưu điện cơ bản tiếp cận và thực hiện được nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả tại trung tâm.

Các sở, địa phương tham gia thực hiện ở giai đoạn thí điểm đã thực hiện đúng lộ trình kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh. Các công chức một cửa của các đơn vị đã nhiệt tình hướng dẫn, đào tạo nhân viên bưu điện tiếp cận cơ bản thực hiện đúng các thao tác nhập, xuất hồ sơ trên hệ thống phần mềm một cửa điện tử. Cơ sở vật chất phục vụ thí điểm chuyển giao đảm bảo điều kiện.

Đề án thí điểm cũng đã giải quyết được vấn đề lãng phí thời gian của công chức trực tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh của các đơn vị có số hồ sơ phát sinh ít và các trung tâm hành chính công cấp huyện được thí điểm; tiết kiệm được một số trang, thiết bị công nghệ thông tin; tiết kiệm được nguồn ngân sách nhà nước đầu tư vào xây dựng trụ sở, trang thiết bị cho trung tâm hành chính công cấp huyện; tuyên truyền, hỗ trợ được người dân, tổ chức về việc sử dụng dịch vụ bưu chính công ích đối với việc nhận kết quả tại nhà.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh Trần Tiến Hưng ghi nhận, đánh giá cao đối với sự nỗ lực của các thành viên Ban Chỉ đạo, các ngành, địa phương trong việc tổ chức thực hiện thí điểm đề án trong một năm qua; đồng thời đề nghị Ban Chỉ đạo, Bưu điện tỉnh tiếp thu nghiêm túc các kiến nghị của các ngành, địa phương.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khẳng định: “Hiệu quả thực tiễn trong một năm qua cho thấy nên tiếp tục mở rộng đề án trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, Ban Chỉ đạo cần nghiên cứu, tham mưu phù hợp về phạm vi mở rộng. Giao Sở Tài chính phối hợp Ban Chỉ đạo để tham mưu xây dựng hướng dẫn cụ thể cơ chế tài chính”.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu ngành chuyên môn rà soát lại các quy định về việc thực hiện trả kết quả qua bưu chính công ích; nghiên cứu cụ thể hướng triển khai đề án khi thực hiện việc tiếp nhận xử lý hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4.

*Nguồn: baohatinh.vn*

## QUẢNG NAM: TIẾP TỤC CẢI THIỆN, NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH

Ngày 15/12, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam tổ chức Hội nghị trực tuyến cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao thứ hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (Chỉ số PCI) tỉnh Quảng Nam 2021 - 2025 và công bố thứ hạng đánh giá năng lực điều hành cấp Sở, ban, ngành, địa phương (Chỉ số DDCI) tỉnh Quảng Nam năm 2019.

Báo cáo tại hội nghị cho thấy, trong thời gian qua Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam đã rất quyết tâm trong chỉ đạo điều hành về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo sự thuận lợi cho doanh nghiệp trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, trong đó chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ nhiều giải pháp, nhất là đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, rút ngắn quy trình xử lý, giảm thời gian thực hiện, giảm chi phí hành chính, đảm bảo công khai, minh bạch và nâng cao trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước. Đặc biệt, sau 7 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 19/NQ-CP và Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh Quảng Nam đã có những cải thiện nhất định, năng lực cạnh tranh được nâng lên một bước và thể hiện rõ thông qua Chỉ số PCI trong 5 năm liên tiếp (2015 - 2019) đều lọt vào top 10 tỉnh, thành phố có chỉ số cao nhất nước (nhóm chỉ số tốt). Qua điều tra PCI giai đoạn (2015 - 2020), có thể thấy những nỗ lực của chính quyền tỉnh Quảng Nam đã được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận và đánh giá cao.

Cụ thể, về thứ hạng có sự tăng giảm giữa các năm, năm 2015 xếp hạng thứ 8, năm 2016 xếp hạng thứ 10, hai năm 2017 - 2018 giữ nguyên xếp hạng thứ 7 và năm 2019 bứt phá thăng hạng lên vị trí thứ 6 trong bảng xếp hạng PCI của cả nước. Riêng đối với Chỉ số Tính năng động của tỉnh Quảng Nam tiếp tục bứt phá về điểm số và thứ hạng trên bảng xếp hạng PCI, từ mức 5,13 (năm 2015) tăng lên 7,32 (năm 2019) và xếp hạng từ 14 lên hạng 6. Thực tế đó cho thấy, những năm qua chính quyền Quảng Nam luôn thể hiện tinh thần cầu thị, quan tâm, lắng nghe và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển. Hằng năm, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam đã tích cực và quyết liệt trong việc ban hành các chương trình, kế hoạch hành động về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn tỉnh và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển từ cấp tỉnh xuống cấp huyện, thị xã, thành phố; thường xuyên tổ chức các buổi tiếp doanh nghiệp định kỳ vào ngày 5 hằng tháng để kịp thời nắm bắt khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp và giải quyết dứt điểm, cụ thể mọi vấn đề, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi và bình đẳng cho doanh nghiệp.

Về đánh giá năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành và địa phương, trong năm 2019, ở nhóm sở, ban, ngành, 3 đơn vị được đánh giá ở nhóm “Tốt” là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bảo hiểm xã hội tỉnh và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; 8 đơn vị ở nhóm “Khá tốt” là Cục Thuế tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công an tỉnh, Sở Giao thông vận tải, Sở Xây dựng, Trung tâm Hành chính công, Sở Thông tin và Truyền thông và Sở Kế hoạch và Đầu tư. Ở nhóm cấp huyện, doanh nghiệp đánh giá các huyện: Đại Lộc, Phú Ninh,



Bắc Trà My và Nông Sơn là 4 địa phương thuộc nhóm “Tốt”; kế tiếp là Quế Sơn, Hiệp Đức, Đông Giang, Nam Trà My và TP. Tam Kỳ ở nhóm “Khá tốt”...

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam Lê Trí Thanh ghi nhận những nỗ lực của các địa phương và các sở, ban, ngành trong việc cải thiện môi trường đầu tư trong thời gian qua. Theo đó, Chỉ số PCI trong 5 năm liên tiếp (2015 - 2019) đều lọt vào top 10 tỉnh, thành phố có chỉ số cao nhất nước. Thời gian đến, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương tiếp tục tạo môi trường kinh doanh thực sự thông thoáng, minh bạch, năng động và thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kinh doanh nhằm thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, đảm bảo sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh trong thời gian đến.

Bên cạnh đó, ông Lê Trí Thanh cũng ban hành kế hoạch cải thiện, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021 - 2025. Mục tiêu chung của kế hoạch nhằm quyết tâm bứt phá hơn nữa về điểm số và thứ hạng PCI của tỉnh Quảng Nam để tiếp tục xếp vào nhóm tỉnh, thành phố có chất lượng điều hành kinh tế tốt nhất cả nước; tạo môi trường kinh doanh thật sự thông thoáng, minh bạch, năng động và thuận lợi cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kinh doanh nhằm thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, đảm bảo sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh trong giai đoạn tiếp theo. Đồng thời, tạo sự chuyển biến sâu sắc trong nhận thức của cán bộ công chức về ý nghĩa, tầm quan trọng của Chỉ số PCI; về trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương trong việc nâng cao thứ bậc xếp hạng PCI của tỉnh, hướng tới sự hài lòng của doanh nghiệp...

*Nguồn: cand.com.vn*

## HẬU GIANG: MÔ HÌNH XÂY DỰNG TỔNG ĐÀI CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH VÀ THIẾT LẬP TÀI KHOẢN ZALO TIẾP NHẬN PHẢN ÁNH KIẾN NGHỊ

Triển khai Kế hoạch số 1436/KH-UBND ngày 13/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc xây dựng Tổng đài cải cách hành chính tỉnh Hậu Giang; thiết lập tài khoản Zalo và hỗ trợ người dân trong việc tiếp cận, kê khai, giải quyết thủ tục hành chính. Trong tháng 6 năm 2020 Sở Nội vụ tỉnh Hậu Giang đã chủ trì, phối hợp với Nhà mạng Mobifone triển khai kế hoạch xây dựng Tổng đài cải cách hành chính tỉnh; Sở Nội vụ phối hợp với các đơn vị Sở, Ban ngành tỉnh xây dựng dự thảo Kế hoạch “Tổng đài hỗ trợ công tác cải cách hành chính tỉnh Hậu Giang”; Thiết lập 01 tài khoản trên Zalo với tên “Phản ánh về thủ tục hành chính Hậu Giang”. Tham mưu thành lập Ban Điều hành và Tổ vận hành Tổng đài “Hỗ trợ công tác cải cách hành chính tỉnh Hậu Giang”; phối hợp các đơn vị Sở, Ban ngành tỉnh cung cấp danh sách số điện thoại kết nối tổng đài “Hỗ trợ công tác cải cách hành chính tỉnh Hậu Giang”.

Tổng đài đi vào hoạt động ngày 13/7/2020 và được thành lập 09 máy nhánh trực thuộc Tổng đài cải cách hành chính tỉnh, trong đó:

Nhánh 1 - “Công tác chỉ đạo điều hành” tiếp nhận các thông tin liên quan đến công tác chỉ đạo điều hành; cung cấp các thông tin về công tác cải cách hành chính của tỉnh; tư vấn, hướng dẫn cho các sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính; hướng dẫn nghiệp vụ về công tác cải cách hành chính; tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về công tác cải cách hành chính; thông tin về kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị liên quan đến cải cách hành chính; tiếp nhận phản ánh của tổ chức, cá nhân về việc chấp hành nội quy, quy chế của cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình thực thi công vụ...

Nhánh 2 - “Doanh nghiệp”: Giao Hiệp hội doanh nghiệp thực hiện tiếp nhận các thông tin phản ánh từ doanh nghiệp; tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp...

Nhánh 3: “Công tác xây dựng và tổ chức triển khai văn bản”, Giao đầu mối là Sở Tư pháp thực hiện tiếp nhận các thông tin liên quan đến công tác cải cách thể chế; cung cấp các thông tin về công tác phổ biến, tuyên truyền pháp luật; tư vấn, hướng dẫn cho các sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện công tác cải cách thể chế; hướng dẫn nghiệp vụ về công tác cải cách thể chế; tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về công tác thi hành pháp luật...

Nhánh 4 - “Cải cách thủ tục hành chính”, Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện tiếp nhận các thông tin liên quan đến công tác cải cách thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; cung cấp các thông tin về công tác cải cách thủ tục hành chính của tỉnh; tư vấn, hướng dẫn cho các Sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện công tác cải cách thủ tục hành chính; hướng dẫn nghiệp vụ về công tác cải cách thủ tục hành chính; tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về thủ tục hành chính; thông tin về kết quả giải quyết phản ánh, kiến nghị liên quan đến thủ tục hành chính ...

Nhánh 5 - “Tổ chức bộ máy và đào tạo”, Giao Sở Nội vụ thực hiện tiếp nhận các thông tin liên quan đến công tác cải cách tổ chức bộ máy và công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; cung cấp các thông tin về công tác tổ chức bộ máy và đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh; tư vấn, hướng dẫn cho các Sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện công tác tổ chức bộ máy; hướng dẫn nghiệp vụ về công tác tổ chức bộ máy và đào tạo, bồi dưỡng; tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về công tác tổ chức bộ máy và đào tạo, bồi dưỡng...

Nhánh 6 - “Tài chính công”, Giao Sở Tài chính thực hiện tiếp nhận các thông tin liên quan đến công tác cải cách tài chính công; cung cấp các thông tin về công tác cải cách tài chính công của tỉnh; tư vấn, hướng dẫn cho các Sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện công tác cải cách tài chính công; hướng dẫn nghiệp vụ về công tác cải cách tài chính công; tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân về công tác cải cách tài chính công...

Nhánh 7 - “Ứng dụng công nghệ thông tin”, Giao Sở Thông tin và Truyền thông, thực hiện tiếp nhận các thông tin liên quan đến ứng dụng công nghệ thông tin của tỉnh; cung cấp các thông tin về ứng dụng công nghệ thông tin và các phần mềm dùng chung của tỉnh; tư vấn, hướng dẫn cho các Sở, ngành và địa phương triển khai ứng dụng công nghệ thông tin; hướng dẫn nghiệp vụ về ứng dụng công nghệ thông tin...

Nhánh 8 - “ISO”, Giao Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện tiếp nhận các thông tin liên quan đến công tác áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng ISO trong cơ quan nhà

nước; cung cấp các thông tin về áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng trong cơ quan nhà nước của tỉnh; tư vấn, hướng dẫn cho các Sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện ISO; hướng dẫn nghiệp vụ về ISO...

Nhánh 9 - “Tư vấn các vấn đề khác” tiếp nhận các thông tin chung và hướng dẫn các vấn đề liên quan trong việc giải quyết thủ tục hành chính...

Về Hệ thống máy trạm: Mỗi Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã trang bị 01 số đề kết nối với tổng đài và giao cho bộ phận phụ trách công tác cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị sử dụng để trao đổi thông tin với các cơ quan được phân công thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh.

Về Khảo sát sự hài lòng của người dân qua Zalo: Tổ chuyên viên giúp việc cho Hội đồng đánh giá, xếp loại công tác cải cách hành chính (Sở Nội vụ) tạo tài khoản zalo “Phản ánh về thủ tục hành chính Hậu Giang”; định kỳ Tổ chuyên viên tiến hành khảo sát sự hài lòng của tổ chức, cá nhân thông qua zalo đối với những trường hợp tổ chức, cá nhân làm thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công và bộ phận tiếp nhận và trả kết quả các cấp.

Ngay khi thực hiện Tổng đài cải cách hành chính tỉnh đã tiếp nhận được 273 cuộc gọi đến số Tổng đài (ý kiến tư vấn về thủ tục hành chính và phản ánh kiến nghị của người dân trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả). Sau khi nhận được thông tin phản ánh kiến nghị của người dân, Ban Điều hành đã chỉ đạo Tổ vận hành Tổng đài cải cách hành chính tỉnh đến địa phương đơn vị xác minh làm rõ những ý kiến phản ánh trên. Tổ vận hành đã thực hiện 13 vụ phản ánh kiến nghị của người dân, và giải quyết ngay khi có phản ánh. Kết quả đạt được khi sử dụng Tổng đài cải cách hành chính tỉnh: Qua khảo sát sự hài lòng của người dân qua Zalo về ý kiến Tổng đài người dân đồng tình và hài lòng khi tỉnh xây dựng Tổng đài cải cách hành chính, giúp đỡ, hỗ trợ người dân trong việc giải quyết thủ tục hành chính.

Tổng đài đã đạt được mục tiêu đề ra là xây dựng 01 kênh thống nhất trong việc tư vấn và hỗ trợ công tác cải cách hành chính cho các sở, ngành, địa phương, người dân và doanh nghiệp với tên gọi “Tổng đài hỗ trợ công tác cải cách hành chính tỉnh Hậu Giang”; Thiết lập 01 tài khoản trên Zalo với tên “Phản ánh về thủ tục hành chính Hậu Giang”. Nâng cao chất lượng công tác tham mưu thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính của tỉnh; kịp thời tư vấn, hỗ trợ cho các Sở, ngành và địa phương trong công tác cải cách hành chính, giúp công tác này ngày càng hiệu quả, thiết thực.

Xây dựng được kênh tiếp nhận thông tin nhanh, hiệu quả để giúp người dân và doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính, kịp thời phản ánh về những hành vi sách nhiễu, vòi vĩnh của cán bộ, công chức; đây sẽ là kênh thông tin tương tác giữa tỉnh với người dân, doanh nghiệp. Các phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp sẽ là một trong những nguồn thông tin cung cấp cho tỉnh để kịp thời đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện cải cách hành chính; giúp kiểm tra việc chấp hành nghiêm các quy định pháp luật của cơ quan, tổ chức và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong hoạt động công vụ; kịp thời phát hiện, phòng ngừa, ngăn chặn các vi phạm trong công tác cán bộ và hoạt động công vụ.

Hoạt động của tổng đài và tài khoản Zalo đã trở thành một công cụ hữu hiệu để thực hiện có hiệu quả công tác cải cách hành chính của tỉnh. Qua đó, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các Sở, ngành có liên quan bố trí công chức, viên chức làm đầu mối tiếp nhận; phối hợp chặt chẽ, có trách nhiệm trong việc xử lý và trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; Từng cán bộ, công chức được phân công làm đầu mối phải phát huy tinh thần trách nhiệm để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao; tham mưu việc tổng hợp, đánh giá, phân loại các phản ánh, kiến nghị có giá trị để cung cấp thông tin cho Tổ Kiểm tra đột xuất nhằm kiểm tra, ngăn ngừa và kịp thời xử lý những vướng mắc, những sai phạm của các tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ.

*Minh Nguyên, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ*



## LÒNG GHÉP VẤN ĐỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG XÂY DỰNG PHÁP LUẬT ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NỮ Ở VIỆT NAM

Việt Nam là một trong những nước tích cực thực hiện bình đẳng giới trong xây dựng chính sách, pháp luật, đã phê chuẩn và chính thức trở thành thành viên của CEDAW (Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ năm 1979) vào năm 1982. Việc thúc đẩy bình đẳng giới và vấn đề lồng ghép bình đẳng giới đối với đối tượng là cán bộ, công chức, viên chức nữ trong xây dựng pháp luật là điều cần thiết, nhằm góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước từ Trung ương đến địa phương, đồng thời đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp và pháp luật quốc tế về bình đẳng giới.

### **1. Yêu cầu về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, bảo vệ quyền lợi chính đáng của phụ nữ trong xây dựng pháp luật**

1.1. Các văn bản của Đảng về vấn đề bình đẳng giới, yêu cầu hoàn thiện hệ thống pháp luật về bình đẳng giới và bảo vệ quyền lợi chính đáng cho phụ nữ

Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đặt ra nhiệm vụ: “Xây dựng, hoàn thiện và thực hiện tốt hệ thống pháp luật, chính sách về bình đẳng giới, tạo điều kiện cho sự phát triển của phụ nữ. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống luật pháp, chính sách bảo đảm tốt hơn quyền lợi chính đáng của phụ nữ, đặc biệt trong các lĩnh vực lao động, việc làm, giáo dục - đào tạo, dạy nghề, hôn nhân gia đình, chăm sóc sức khỏe, bảo vệ bà mẹ, trẻ em”.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (2011), có yêu cầu về việc: “Xây dựng và triển khai chiến lược quốc gia về bình đẳng giới và sự tiến bộ của phụ nữ, tập trung ở những vùng và khu vực có sự bất bình đẳng và nguy cơ bất bình đẳng cao... Tạo điều kiện để phụ nữ tham gia học tập, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu công việc, nhiệm vụ”.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (2016), tiếp tục đặt ra nhiệm vụ: “Nâng cao trình độ mọi mặt và đời sống vật chất, tinh thần của phụ nữ, thực hiện tốt bình đẳng giới, tạo điều kiện cho phụ nữ phát triển tài năng. Nghiên cứu bổ sung và hoàn thiện luật pháp và chính sách đối với lao động nữ, tạo điều kiện để phụ nữ thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm của mình trong gia đình và xã hội”.

1.2. Các văn bản quy phạm pháp luật quy định về bình đẳng giới, về bảo đảm các quyền lợi chính đáng của phụ nữ

Thực hiện các quan điểm của Đảng về bình đẳng giới, các quy định về bình đẳng giới và bảo đảm quyền của phụ nữ trong thực hiện nhiệm vụ được thể chế hóa tại nhiều văn bản quy phạm pháp luật như luật, nghị định, thông tư. Cụ thể:

Luật Bình đẳng giới năm 2006 quy định rõ về yêu cầu lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, theo đó, khi xây dựng văn bản quy phạm pháp

luật cơ quan chủ trì soạn thảo có trách nhiệm xác định vấn đề giới và các biện pháp giải quyết trong lĩnh vực mà văn bản quy phạm pháp luật đó điều chỉnh. Theo quy định của Luật, “biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới không bị coi là phân biệt, đối xử về giới”. Các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới là “biện pháp nhằm bảo đảm bình đẳng giới thực chất, do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành trong trường hợp có sự chênh lệch lớn giữa nam và nữ về vị trí, vai trò, điều kiện, cơ hội phát huy năng lực và thụ hưởng thành quả của sự phát triển mà việc áp dụng các quy định như nhau giữa nam và nữ không làm giảm được sự chênh lệch này”.

Luật Bình đẳng giới quy định về dự báo tác động của những quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khi được ban hành đối với nữ và nam, xác định nguồn lực để giải quyết vấn đề về giới và quy định về trách nhiệm của cơ quan thẩm định trong việc đánh giá việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Việc đánh giá thẩm định bao gồm việc xác định vấn đề giới; các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới và tính khả thi của việc giải quyết vấn đề giới được điều chỉnh trong dự thảo văn bản quy phạm pháp luật.

Cụ thể hóa các quy định tại Luật Bình đẳng giới năm 2006, Chính phủ ban hành Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 quy định về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới. Theo đó, một trong những biện pháp để thực hiện bình đẳng giới là: quy định tỷ lệ nam, nữ hoặc bảo đảm tỷ lệ nữ thích đáng tham gia, thụ hưởng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội; Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ năng lực cho nữ hoặc nam để bảo đảm đạt đủ tiêu chuẩn chuyên môn và các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật; hỗ trợ, tạo điều kiện, cơ hội cho nữ hoặc nam để tăng cường sự chia sẻ giữa nữ và nam trong công việc gia đình và xã hội phù hợp với mục tiêu bình đẳng giới; quy định tiêu chuẩn, điều kiện đặc thù cho nữ hoặc nam để thực hiện chính sách ưu tiên trong từng lĩnh vực cụ thể và quy định nữ được quyền lựa chọn và việc ưu tiên nữ trong trường hợp nữ có đủ điều kiện, tiêu chuẩn như nam để bảo đảm bình đẳng giới.

Nghị định cũng giao nhiệm vụ cho các Bộ, ngành trong đó có Bộ Nội vụ về việc: “Xây dựng, trình Chính phủ ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện quy định về quy hoạch, tạo nguồn cán bộ nữ; quy định tỷ lệ nữ thích đáng để bổ nhiệm các chức danh trong các cơ quan nhà nước; quy định tỷ lệ nữ cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong các cơ quan, tổ chức có từ 30% lao động nữ trở lên phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới; quy định tỷ lệ nam, nữ thích hợp, nữ được quyền lựa chọn hoặc ưu tiên nữ khi nữ đạt tiêu chuẩn như nam trong tuyển dụng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm”.

Nghị định số 70/2008/NĐ-CP ngày 04/6/2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới đã quy định rõ về trách nhiệm quản lý nhà nước về bình đẳng giới, sự phối hợp giữa các Bộ, ngành, địa phương, các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thực hiện bình đẳng giới trên cả nước.

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 đã có nhiều quy định cụ thể và chi tiết về trách nhiệm lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng dự án luật từ khi đề nghị xây dựng luật đến khi thẩm định, thẩm tra dự án luật (Khoản 2 Điều 35, điểm d Khoản 3 Điều 39, Khoản 2 Điều 58, điểm d Khoản 1 Điều 64 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015).

Nghị định số 56/2012/NĐ-CP ngày 16/7/2012 của Chính phủ quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp trong việc bảo đảm cho các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia quản lý nhà nước. Theo đó, quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc mời Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia xây dựng cơ chế, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình, đề án, dự án liên quan đến quyền, lợi ích của phụ nữ, trẻ em, các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội thuộc chức năng quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, địa phương.

Ngày 24/12/2010, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quyết định số 2351/QĐ-TTg về chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020. Chiến lược đặt mục tiêu cụ thể, phấn đấu đến năm 2020 đạt 100% cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có lãnh đạo chủ chốt là nữ nếu ở cơ quan, tổ chức có tỷ lệ 30% trở lên nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Ngày 31/3/2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 515/QĐ-TTg phê duyệt Đề án thực hiện biện pháp bảo đảm bình đẳng giới đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2020. Đề án đưa ra các giải pháp cụ thể để thực hiện bảo đảm bình đẳng giới đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức như: tăng cường công tác quy hoạch, tạo nguồn, bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức nữ bảo đảm mục tiêu bình đẳng giới; thực hiện kiện toàn, sắp xếp, bổ nhiệm các chức vụ, chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp bảo đảm tỷ lệ nữ nhằm thực hiện các mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới; ưu tiên lựa chọn nữ có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định và trong quy hoạch chức vụ, chức danh.

## **2. Thực trạng các quy định về bình đẳng giới đối với cán bộ, công chức nữ trong văn bản quy phạm pháp luật hiện nay**

### **2.1. Các quy định pháp luật về bình đẳng giới đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức**

Quy định pháp luật về bình đẳng giới trong đào tạo, bồi dưỡng, mang thai, nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi đối với cán bộ, công chức, viên chức là nữ.

Trong thực hiện nhiệm vụ học tập, nâng cao trình độ, phụ nữ là cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm và có các quy định pháp luật cụ thể để bảo vệ họ như: “Nữ cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng mang theo con dưới ba mươi sáu tháng tuổi được hỗ trợ theo quy định của Chính phủ”. Quy định này xuất phát từ chính sách của Nhà nước ta trong việc bảo vệ đặc biệt đối với sự phát triển lành mạnh của trẻ em. Do đó, cán bộ, công chức nữ khi tham gia đào tạo, bồi dưỡng có mang theo con nhỏ dưới ba mươi sáu tháng tuổi được Chính phủ hỗ trợ về: các hình thức đào tạo linh hoạt, phù hợp điều kiện, hoàn cảnh của nữ cán bộ, công chức, viên chức đang nuôi con nhỏ; hỗ trợ bằng tiền, tạo điều kiện về nơi ở, nơi gửi trẻ, trường mầm non khi nữ cán bộ, công chức, viên chức mang theo con đến cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.

Quy định pháp luật về bình đẳng giới trong lao động, việc làm đối với cán bộ, công chức là nữ.

Luật Cán bộ, công chức năm 2008 có quy định về biệt phái công chức, nhằm rèn luyện chuyên môn, bản lĩnh người cán bộ, công chức; đồng thời, khi thực hiện luân chuyển, biệt phái tạo điều kiện cho cán bộ, công chức tiếp xúc với nhiều mảng công việc khác nhau, nâng cao

trình độ, kinh nghiệm thực tiễn trong thực thi nhiệm vụ. Đối với công chức là nữ, Luật có quy định cụ thể đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý công chức: “Không thực hiện biệt phái đối với công chức nữ mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi”. Đây được coi là một biện pháp nhằm thúc đẩy vấn đề bình đẳng giới, phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của người mẹ đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, phù hợp pháp luật về bảo vệ, chăm sóc toàn diện trẻ em.

Đối với vấn đề kỷ luật lao động, Bộ luật Lao động năm 2012 cũng đã dùng biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới khi quy định về kỷ luật lao động dành cho đối tượng nữ. Theo đó, Bộ luật Lao động quy định người sử dụng lao động không được xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động trong thời gian: “Lao động nữ có thai, nghỉ thai sản, người lao động nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi”, gồm các trường hợp: “Nuôi con đẻ dưới 12 tháng tuổi; nuôi con nuôi hợp pháp theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình dưới 12 tháng tuổi; nuôi đứa trẻ mang thai hộ dưới 12 tháng tuổi đối với người lao động là người mang thai hộ theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình”.

Quy định pháp luật về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị đối với cán bộ, công chức, viên chức là nữ.

Luật Bình đẳng giới quy định về bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị, trong đó có các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực chính trị đối với đối tượng là cán bộ, công chức “bảo đảm tỷ lệ thích đáng nữ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới; bảo đảm tỷ lệ nữ thích đáng trong bổ nhiệm các chức danh trong cơ quan nhà nước phù hợp với mục tiêu quốc gia về bình đẳng giới” và phụ nữ có quyền tự ứng cử, bình đẳng như nam giới khi được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân, bình đẳng trong việc tự ứng cử, được giới thiệu ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp. Điều này xuất phát từ chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, yêu cầu về đạt mục tiêu: “phấn đấu đến năm 2020 đạt 100% cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội có lãnh đạo chủ chốt là nữ nếu ở cơ quan, tổ chức có tỷ lệ 30% trở lên nữ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động”.

Quy định pháp luật về bình đẳng giới trong hỗ trợ vật chất đối với cán bộ, công chức, viên chức là nữ.

Về hỗ trợ trong đền bù chi phí đào tạo đối với cán bộ, công chức là nữ: Trong trường hợp cán bộ, công chức sau khi được cử đi đào tạo trình độ trung cấp trở lên bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng, phải thực hiện đền bù chi phí đào tạo trong trường hợp: “Tự ý bỏ học, bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trong thời gian đào tạo; không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp; đã hoàn thành và được cấp văn bằng tốt nghiệp khóa học nhưng bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết”.

Điều 9, Nghị định số 101/2017/NĐ-CP quy định điều kiện được giảm chi phí đền bù đào tạo, theo đó: “Mỗi năm công tác của cán bộ, công chức, viên chức (không tính thời gian tập sự và thời gian công tác sau khi được đào tạo) được tính giảm 1% chi phí đền bù. Trường hợp là nữ hoặc là người dân tộc thiểu số thì mỗi năm công tác được tính giảm tối đa 1,5% chi phí đền bù”.



2.2. Những “khoảng trống pháp luật” về bình đẳng giới đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức

Quy định pháp luật về bình đẳng giới đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện đảm bảo an toàn, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

Công ước quốc tế của Liên hợp quốc về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ năm 1979 mà Việt Nam là thành viên, có quy định cho tất cả các quốc gia là thành viên trong việc cần có các biện pháp thích hợp để: “Sửa đổi các khuôn mẫu văn hóa - xã hội về hành vi của nam giới và phụ nữ, nhằm đạt được việc xóa bỏ những thành kiến, phong tục tập quán và tất cả những hành động khác mà dựa trên tư tưởng cho giới này là hơn, cho giới kia là kém, hoặc dựa trên nhận thức mang tính rập khuôn về vai trò của nam giới và phụ nữ” (Điều 5) do những lo ngại rằng sự phân biệt chống lại phụ nữ vẫn đang tồn tại ở rất nhiều nơi và chưa đảm bảo tích cực về an toàn cho phụ nữ trong môi trường làm việc. Để cụ thể hóa vấn đề này, hệ thống pháp luật Việt Nam cần có các quy định điều chỉnh về pháp luật đủ mạnh để đảm bảo an toàn môi trường làm việc cho phụ nữ, nhất là đối với cán bộ, công chức, viên chức nữ. Hiện nay, trong hệ thống pháp luật Việt Nam đề cập chưa đầy đủ các quy định về việc đảm bảo sự an toàn của nữ cán bộ, công chức, viên chức trong môi trường làm việc; chưa có quy định cụ thể về việc chống quấy rối tình dục phụ nữ là cán bộ, công chức, viên chức tại nơi làm việc và còn khoảng trống pháp lý về chế tài xử lý hành chính hoặc xử lý hình sự trong trường hợp hành động quấy rối tình dục gây hậu quả nghiêm trọng.

Quy định pháp luật về bình đẳng giới đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện chức năng thai sản, chăm sóc con nhỏ.

Pháp luật Việt Nam hiện nay đề cập chưa đầy đủ đến quyền lợi, nghĩa vụ như nhau giữa cán bộ, công chức, viên chức là nam và nữ trong việc chăm sóc con nhỏ, thực hiện chức năng thai sản và các vấn đề liên quan đến kế hoạch hóa gia đình. Công ước quốc tế của Liên hợp quốc về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ năm 1979 đã có yêu cầu các quốc gia là thành viên: “phải áp dụng tất cả các biện pháp thích hợp để xóa bỏ sự phân biệt đối xử chống lại phụ nữ trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, nhằm đảm bảo cho họ, trên cơ sở bình đẳng nam - nữ, được tiếp cận với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe, bao gồm những dịch vụ liên quan đến kế hoạch hóa gia đình” (Điều 5). Và vấn đề này cần được cụ thể hóa trong luật và văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành ở nước ta.

Quy định pháp luật về bình đẳng giới đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức trong thực hiện bảo vệ đời tư dẫn đến hạn chế tư cách pháp lý của phụ nữ.

Vấn đề bảo vệ đời tư, những bí mật cá nhân của phụ nữ là cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình sinh sống là điều quan trọng, đây có thể là những tài liệu chống lại họ trong quá trình cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc cất nhắc, đề bạt, bổ nhiệm ở vị trí lãnh đạo. Đối với các tài liệu riêng tư, khi được phát tán hoặc cá nhân lợi dụng đưa thông tin không chính xác, ảnh hưởng đến uy tín, tư cách pháp lý của người phụ nữ là cán bộ, công chức, viên chức. Mặc dù, các thông tin được phát tán về đời tư không có căn cứ và không là điều kiện để làm căn cứ cất nhắc, đề bạt, bổ nhiệm, cử đi đào tạo, bồi dưỡng nhưng trên thực tế có ảnh hưởng đến tâm lý, quy trình, có tác

động pháp lý xấu đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức. Điều này cần được nghiên cứu để cụ thể hóa bằng quy phạm pháp luật, có chế tài xử phạt và răn đe, để kẻ xấu không lợi dụng nhằm “triệt hạ”, bôi nhọ danh dự, nhân phẩm của phụ nữ là cán bộ, công chức, viên chức. Đây cũng là yêu cầu của Công ước quốc tế của Liên hợp quốc về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ năm 1979 đối với các quốc gia thành viên: “tất cả các hợp đồng và tất cả các tài liệu riêng tư khác, dưới bất kỳ dạng nào mà có tác động pháp lý dẫn đến việc hạn chế tư cách pháp lý của phụ nữ, sẽ bị coi là vô giá trị và không có hiệu lực thi hành”.

### **3. Giải pháp lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng pháp luật đối với cán bộ, công chức nữ**

Một là, vấn đề bình đẳng giới cần được sự quan tâm sát sao, quyết liệt và có hiệu quả hơn nữa của Đảng, Quốc hội, Chính phủ trong việc chỉ đạo thể chế hóa các quan điểm của Đảng về bình đẳng giới, chống phân biệt về giới, đảm bảo các quyền của phụ nữ là cán bộ, công chức trong hệ thống luật pháp ở nước ta.

Hàng năm, Ủy ban về sự xóa bỏ phân biệt đối xử chống lại phụ nữ của Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ năm 1979 vẫn làm việc và xem xét những tiến bộ trong thực hiện công ước do các thành viên tham gia. Do đó, cụ thể hóa những quy định của Công ước vào Hiến pháp, các quy định của luật và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành ở nước ta hiện nay là điều cần thiết và cần tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung thường xuyên cho phù hợp.

Hai là, Bộ, cơ quan ngang Bộ cần nghiêm túc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong thực hiện xây dựng luật, các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành. Có đánh giá tác động về giới trong quá trình xây dựng chính sách, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật. Đây là vấn đề đã được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật Bình đẳng giới năm 2006. Tuy nhiên trên thực tế, việc đánh giá tác động về giới trong hồ sơ xây dựng luật của các Bộ, cơ quan ngang Bộ và dự thảo các quy định lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, nhất là có các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới cho cán bộ, công chức là nữ vẫn còn hạn hẹp, hình thức và chưa thực sự hiệu quả.

Ba là, quy định trách nhiệm của bộ, ngành trong việc chưa thực hiện nghiêm túc về lồng ghép bình đẳng giới, trong đó có vấn đề bình đẳng giới đối với nữ cán bộ, công chức trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ban hành thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước.

Bốn là, Chính phủ giao trách nhiệm các Bộ, ngành tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao, tình hình thực tế và Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ năm 1979 đối với các văn bản quy phạm pháp luật L thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước chưa thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, chưa thực hiện các giải pháp thúc đẩy bình đẳng giới đối với nữ cán bộ, công chức (nếu có).

Năm là, các tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp có trách nhiệm phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước, các bộ, ngành địa phương về phát hiện các vấn đề về bất bình đẳng giới, sự bất cập trong các quy định pháp luật hiện hành về bất bình đẳng

giới, kiến nghị các giải pháp, quy định về bình đẳng giới cho cán bộ, công chức nữ, đảm bảo quyền lợi cho cán bộ, công chức nữ trên các mặt kinh tế - chính trị - an sinh xã hội.

Sáu là, nâng cao trách nhiệm của Bộ Tư pháp trong việc thẩm định hồ sơ xây dựng luật của các bộ, ngành về thành phần hồ sơ đánh giá tác động chính sách, trong đó có đánh giá tác động về giới. Nâng cao trách nhiệm của Ủy ban các vấn đề xã hội trong việc thẩm tra lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết đối với xác định vấn đề giới, đảm bảo nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới, tính khả thi của các quy định về bảo đảm bình đẳng giới.

Bảy là, Chính phủ giao các Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội; Nội vụ và các Bộ, ngành có liên quan tiến hành rà soát, lồng ghép quy định về bình đẳng giới đối với nữ cán bộ, công chức tại Luật Cán bộ, công chức, Luật Lao động, các luật khác có liên quan. Các Bộ chủ động trình Chính phủ văn bản hướng dẫn thi hành, lồng ghép có hiệu quả vấn đề bình đẳng giới và cụ thể hóa các quy phạm pháp luật về bình đẳng giới đối với cán bộ, công chức nữ, khắc phục “khoảng trống pháp luật” về bình đẳng giới đối với cán bộ, công chức nữ, phù hợp Hiến pháp, hệ thống pháp luật và Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ năm 1979 mà Việt Nam là thành viên.

*TS. Trần Thị Minh Châu, Chuyên viên chính Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ*

*Nguồn: tcnn.vn*

-----  
**Tài liệu tham khảo:**

1. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.
2. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.
3. Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 27/4/2007 của Bộ Chính trị.
4. Quyết định số 2351/QĐ-TTg ngày 24/12/2010 về chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011 - 2020.
5. Quyết định số 515/QĐ-TTg phê duyệt Đề án thực hiện biện pháp bảo đảm bình đẳng giới đối với nữ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 - 2020.
6. Luật Bình đẳng giới năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
7. Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
8. Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
9. Bộ luật Lao động năm 2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
10. Công ước quốc tế về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử chống lại phụ nữ, 1979.

## KHỞI NGHIỆP VÀ KHÁT VỌNG

Không chỉ thấp lửa, thôi thúc đam mê khởi nghiệp sáng tạo, trong nhiệm kỳ này, Chính phủ không ngừng hành động để chắp cánh cho những ước mơ khởi nghiệp, nuôi dưỡng các startup kỳ lân...

Cách đây 4 năm, ngay khi bắt đầu nhiệm kỳ mới, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã khởi xướng “Năm quốc gia khởi nghiệp”. Vào tháng 10/2016, đến nói chuyện với sinh viên Đại học Quốc gia Hà Nội, phát động Chương trình “Thanh niên khởi nghiệp” giai đoạn 2016 - 2021 và dự Ngày hội Thanh niên khởi nghiệp, Thủ tướng Chính phủ đã “trải lòng”: Ngay khi đảm nhiệm chức vụ Thủ tướng Chính phủ, tôi đã nói rõ quyết tâm của mình là phải làm sao để con cháu của nông dân, công nhân, người nghèo đều có cơ hội học tập, tiến thân, có cơ hội trở thành lãnh đạo của đất nước trong tương lai. Với cá nhân tôi, không có gì ý nghĩa hơn, quan trọng hơn là được trao đổi, nói chuyện một cách thẳng thắn với các thế hệ tài năng, tuổi trẻ của đất nước, tạo cho các bạn những cơ hội, những điều kiện thuận lợi để cống hiến, để phát huy hết khả năng của mình. Vì các bạn không chỉ là tiềm năng, là tương lai mà còn là động lực quyết định đến vận mệnh của dân tộc Việt Nam chúng ta.

Với tinh thần đó, thời gian qua, dù bận bịu đến mấy, lãnh đạo Chính phủ luôn dành thời gian tham gia các sự kiện, các cuộc gặp gỡ, tọa đàm, đối thoại với thanh niên để “thấp lửa” đam mê khởi nghiệp cho giới trẻ, nhất là là khởi nghiệp ở thanh niên nông thôn.

Trong tất cả các cuộc làm việc với các tỉnh, thành phố, trong các cuộc hội thảo xúc tiến đầu tư, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đều kêu gọi thúc đẩy phong trào khởi nghiệp, hối thúc lãnh đạo các Bộ, ngành, địa phương phải tạo mọi điều kiện cho sinh viên, giới trẻ khởi nghiệp, tạo nhanh hệ sinh thái khởi nghiệp để doanh nghiệp khởi nghiệp, quốc gia khởi nghiệp. Đặc biệt, ấn tượng là khi Thủ tướng kêu gọi Bộ Công Thương hãy làm việc với tinh thần “Bộ Khởi nghiệp”. Đây là những thông điệp được nhiều người đánh giá là rất đúng, rất trúng, rất hợp thời của Thủ tướng Chính phủ, bởi chỉ qua khởi nghiệp chúng ta mới nhanh chóng có được một thể hệ doanh nhân mới, hình thành làn sóng đầu tư mới. Chỉ có khởi nghiệp, chúng ta mới khơi gọi hết trí tuệ, chất xám của con người Việt Nam.

Cũng trong năm 2016, Thủ tướng đã ký Quyết định 844/QĐ-TTg hỗ trợ xây dựng Hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia đến năm 2025 (Đề án 844). Sự lan tỏa, tác động từ Đề án 844 ngày càng rõ nét và cộng hưởng, gắn với việc ra mắt Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia (Techfest Việt Nam).

Năm 2018, trong khuôn khổ Techfest, Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc đã có cuộc đối thoại với thanh niên, thôi thúc phong trào khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho giới trẻ Việt Nam. So với thời điểm khi Thủ tướng Chính phủ dự lễ khởi xướng “Năm quốc gia khởi nghiệp” (năm 2016) thì đến năm 2018 có hàng nghìn doanh nghiệp khởi nghiệp thành công. Lúc đó, trên công cụ tìm kiếm Google có hàng triệu tin bài liên quan đến các từ khóa “khởi nghiệp”, “sáng tạo” khi mà mấy năm trước đó, từ khóa này vẫn còn ít thịnh hành ở Việt Nam.



Thủ tướng Chính phủ chia sẻ, “cũng như các bạn, ai cũng có khát vọng và mơ ước, mong muốn được thành công trong sự nghiệp và cuộc sống. Khát vọng của mỗi người Việt Nam sẽ hòa mình vào khát vọng lớn hơn của dân tộc chúng ta về một đất nước thịnh vượng, người dân hạnh phúc. Năm 2045, thời điểm tròn 100 năm Ngày Quốc khánh, mục tiêu Việt Nam sẽ là một nước phát triển, với thu nhập người dân đạt hơn 18.000USD. Tôi tin tưởng rằng làn sóng khởi nghiệp hiện nay sẽ hình thành nên lớp thế hệ doanh nhân đầy tự hào của Việt Nam chúng ta. Không món quà nào có ý nghĩa hơn món quà này cho năm 2045”. “Người Việt Nam chúng ta có đầy đủ tố chất bẩm sinh cho sự sáng tạo, tôi tin nếu có đủ những dưỡng chất tốt sẽ tạo ra những con người xuất sắc cho đất nước”.

Trong những câu chuyện thành công về khởi nghiệp ở Việt Nam cũng như ở các quốc gia khác, Thủ tướng Chính phủ nhận thấy có một số điểm chung để khởi nghiệp thành công: Đó là đam mê, khát vọng, dám nghĩ dám làm và nhất là không sợ thất bại. Không có đam mê và khát vọng thì không thể “đốt hết trái tim, trí tuệ và nhiệt huyết của mình” cho mục tiêu hướng đến. Không dám nghĩ, dám làm thì không thể đi đến cùng với thách thức. Điều đó cũng có nghĩa là có tầm nhìn mà không có hành động cụ thể. “Thất bại là mẹ thành công. Nếu sợ thất bại thì chắc chắn bạn sẽ không thể thành công”. Dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám chấp nhận thất bại để thành công là tinh thần để mạnh dạn khởi nghiệp sáng tạo.

Về phần mình, Thủ tướng Chính phủ cũng thẳng thắn nhìn nhận, Chính phủ cũng nên tự hỏi mình tại sao có nhiều người Việt Nam phải ra nước ngoài khởi nghiệp, đặc biệt là Singapore. Phải nhìn nhận thực tế để chúng ta học tập họ, nhìn sang những gì họ đang làm tốt để chúng ta làm theo nhưng không hoàn toàn theo sau họ. Chúng ta hãy tự tin rằng, mình có thể làm tốt hơn Singapore ở nhiều tiêu chí.

Với tinh thần thẳng thắn, quyết tâm mạnh mẽ, nỗ lực không ngừng của Chính phủ, đến nay, ước mơ khởi nghiệp của Việt Nam ngày càng bay cao. Chính phủ đã đưa ra nhiều sáng kiến nhằm nuôi dưỡng các startup tiềm năng tại Việt Nam. Nhiều chính sách đã được các Bộ, ngành tiếp thu và điều chỉnh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp. Bên cạnh đó là hàng loạt các chương trình của Chính phủ và các Bộ, ngành thông qua các đề án quốc gia nhằm hỗ trợ thúc đẩy khởi nghiệp. Năm 2019, được đánh giá là năm tăng trưởng mạnh mẽ của khởi nghiệp Việt Nam với các thương vụ đầu tư công nghệ lớn đạt giá trị hơn 800 triệu USD. Việt Nam đã và đang nhanh chóng trở thành một ngôi sao sáng trong bức tranh khởi nghiệp ở Đông Nam Á.

Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc cũng đã mang khát vọng về khởi nghiệp sáng tạo Việt Nam ra các diễn đàn quốc tế khi tham dự Hội nghị thường niên Diễn đàn Kinh tế thế giới 2019 (WEF Davos 2019), tại Thụy Sĩ.

Thủ tướng Chính phủ đến Hội nghị WEF Davos lần đó với thông điệp hết sức mạnh mẽ, thể hiện quyết tâm của Việt Nam trở thành một “Quốc gia đổi mới sáng tạo”, là những hành khách đi đầu trên con tàu Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và Toàn cầu hoá 4.0. Thông điệp của Thủ tướng Chính phủ nhận được nhiều sự quan tâm, hưởng ứng mạnh mẽ của các bạn bè, đối tác. Chính trên tinh thần đó, Thủ tướng Chính phủ đã cùng với lãnh đạo các nước, các nhà



quản trị, nghiên cứu hàng đầu và các tập đoàn, doanh nghiệp quốc tế lớn thảo luận chia sẻ ý tưởng, giải pháp cho các vấn đề khu vực và toàn cầu, trong đó có khởi nghiệp sáng tạo trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ 4.

Đặc biệt, tại Hội nghị này, Việt Nam và WEF đã ký Thỏa thuận hợp tác xây dựng Trung tâm Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 tại Việt Nam và kết nối Trung tâm này với các Trung tâm Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 của WEF trên thế giới. Đây sẽ là nơi nghiên cứu, thử nghiệm và xây dựng các khung chính sách cho các công nghệ mới, các mô hình kinh doanh mới hình thành từ Cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Việt Nam là nước đầu tiên ký Thỏa thuận này với WEF.

Năm 2019 cũng có dấu ấn quan trọng trong chặng đường “chấp cánh khởi nghiệp” là việc Thủ tướng Chính phủ ký quyết định thành lập Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia. Trung tâm được bố trí cơ sở hoạt động tại Hoà Lạc, dự kiến xây dựng cơ sở với tổng diện tích sử dụng 35.000 m<sup>2</sup>, sẽ là nơi quy tụ các doanh nghiệp, tập đoàn công nghệ lớn trong và ngoài nước, nơi cung cấp các phòng lab nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm theo chuẩn mực quốc tế nhằm đem đến điều kiện hạ tầng tốt nhất cho nghiên cứu phát triển các ý tưởng công nghệ. Trung tâm dự kiến trong giai đoạn tới sẽ hỗ trợ, đưa vào thị trường hàng tỷ USD đầu tư vào khởi nghiệp sáng tạo.

Bên cạnh đó, Mạng lưới Đổi mới sáng tạo Việt Nam đã mở rộng các Mạng lưới thành phần tại các nước Đức, Nhật Bản, Australia và tiếp tục thành lập tại Mỹ, Canada với hàng nghìn thành viên nhằm quy tụ những người Việt Nam xuất sắc để sẵn sàng tham gia các hoạt động nghiên cứu, phát triển công nghệ và ứng dụng tại Việt Nam.

Trên bảng xếp hạng các thương hiệu khởi nghiệp toàn cầu có hàng nghìn cái tên đến từ Việt Nam như CốcCốc, VN Trip, HelloBacsi, v.v... Hiện nay, Việt Nam có hai doanh nghiệp khởi nghiệp kỳ lân (định giá hơn 1 tỷ USD) là Công ty Cổ phần VNG (Vinagame), VNPAY và khoảng 10 doanh nghiệp khởi nghiệp có định giá hơn 100 triệu USD. Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo hiện nay đã bước vào giai đoạn mới, giai đoạn trọng yếu để phát triển.

Tại Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia vừa diễn ra cuối tháng trước, đối thoại với thanh niên khởi nghiệp, Thủ tướng Chính phủ đã chia sẻ, cách đây 2 năm khi đến dự khai mạc sự kiện này, ông đã thử gõ từ khóa “khởi nghiệp” trên công cụ tìm kiếm Google thì hiện ra 13,4 triệu bài viết có liên quan. “Hôm nay tôi thử gõ lại từ khóa “khởi nghiệp” thì chỉ trong 0,54 giây đã có hơn 20,7 triệu kết quả được tìm thấy. Điều này cho thấy không khí của tinh thần khởi nghiệp của chúng ta đang lan tỏa mạnh mẽ trên mọi miền tổ quốc, từ giới trẻ cho đến người lớn tuổi, bất kể dân tộc, tôn giáo. Khởi nghiệp là không có ranh giới và giới hạn”.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng từng nói: “Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay”. Vậy, cơ đồ, tiềm lực, vị thế, uy tín của Việt Nam ta trong tương lai sẽ thế nào? Việt Nam có hiện thực hóa được khát vọng hùng cường 2045 hay không? Thủ tướng Chính phủ cho rằng, chính thế hệ trẻ hôm nay sẽ phải trả lời câu hỏi đó bằng chính hành động. Khởi nghiệp sẽ là một con đường biến ước mơ của bản thân thành hiện thực, đồng thời góp phần hiện thực hóa khát vọng lớn hơn của toàn dân tộc.

Việt Nam sẽ có thêm nhiều người trẻ tuổi góp phần làm thay đổi thế giới, đưa Việt Nam ra biển lớn, để nước ta giàu mạnh, không thua kém bất cứ dân tộc nào, đưa truyền thuyết Thánh Gióng trong thời đại 4.0 thành hiện thực, Thủ tướng Chính phủ kỳ vọng.

*Nguồn: baochinhpvu.vn*

## CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ THANH KIỂM THẦN TRIỂN KHAI

Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 của Chính phủ đã đến hồi kết. Các cơ quan nhà nước có liên quan sẽ tổng kết việc thực hiện Chương trình và định ra những việc cần làm tiếp thời gian tới.

Một trong những vấn đề lớn được quan tâm sẽ là chỉ rõ những cái được nhất và những cái không được nhất qua 10 năm cải cách hành chính ở ta là gì. Câu hỏi chắc không dễ trả lời.

### **Không tính quá trình, chỉ xem kết quả**

Cách đây hơn chục năm, đa phần các Chính phủ liên minh châu Âu - EU đều nói làm cải cách hành chính rất mạnh, đơn giản nhiều quy định, thủ tục hành chính, mang lại rất nhiều lợi ích cho doanh nghiệp. Nghe vậy, các doanh nghiệp bèn chất vấn chính phủ cho xem các lợi ích mà cải cách mang lại cho doanh nghiệp là gì, có thể cân đong đo đếm được không và quy ra đồng tiền bát gạo thì cuối cùng là bao nhiêu?

Lúc đó, nhiều nước EU mới giật mình và buộc phải đi đến giải pháp tính chi phí tuân thủ thủ tục hành chính khi doanh nghiệp có việc đến cơ quan hành chính giải quyết. Tính ra rồi thì một khi cải cách thủ tục hành chính ở việc này việc kia của doanh nghiệp lập tức nhả ngay ra được tiền bạc họ tiết kiệm được nhờ các biện pháp cải cách đó mang lại. Lúc đó, mới có thể nói cải cách đã thực sự mang lại lợi ích cho doanh nghiệp.

Như vậy, kết quả, tác động mà cải cách hành chính mang lại phải tìm và lượng hóa ra nơi người dân, doanh nghiệp. Phương châm có tính quyết định ở đây chính là “Không tính quá trình, chỉ xem kết quả”. Dân, doanh nghiệp không quan tâm nhiều tới quá trình triển khai cải cách hành chính, giảm bớt bộ này, thêm bộ kia, sửa luật này, luật kia, bộ phận một cửa được trang bị hiện đại hơn... Cái được quan tâm nhất chính là kết quả, tác động của cải cách hành chính tới họ.

Ra xã, phường làm chứng thực cái bằng đại học, hộ khẩu, giấy khai sinh đã thuận tiện hơn nhiều so với trước đây nhờ thời gian đi lại giảm, giấy tờ bớt đi và nhất là nhờ bộ phận một cửa.

Có một số việc người dân, doanh nghiệp không còn phải trực tiếp đến cơ quan hành chính nhờ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và 4. Công chức tiếp dân cũng đã thay đổi lớn từ thái độ, lời nói đến hành vi. Sự cởi mở, thân thiện của chính quyền với doanh nghiệp đã phần nào được tạo lập. Nhiều vị lãnh đạo chính quyền đã ý thức được chính doanh nghiệp mới là động

lực quyết định cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các quyết sách của Chính phủ về cơ bản được giới doanh nghiệp hoan nghênh...

Nếu được phép chuyển cái cân đong đo đếm được này thành cái định tính khái quát hơn thì có thể nói thông qua cải cách hành chính, bước đầu đã tạo lập được cơ sở cho bước chuyển của nền hành chính thực sự sang phục vụ.

### **Nhân tài thì ít, giả tài thì nhiều trong công vụ**

Đây là cái được nhất của cải cách hành chính 10 năm qua, còn cái không được nhất là gì, là ở tổ chức bộ máy, ở thủ tục hành chính hay cải cách thể chế... Còn cần xem xét thêm một cách kỹ lưỡng, nhưng có thể số đông sẽ cho rằng cái không được nhất, yếu kém nhất chính là ở cải cách đội ngũ.

10 năm cải cách nhưng nhìn tổng thể thì năng lực, trình độ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức vẫn không đáp ứng yêu cầu.

Rất nhiều biện pháp mang tính cải cách đã được triển khai như định ra tiêu chuẩn cán bộ, công chức, viên chức, xác định vị trí việc làm, thi công chức, thi nâng ngạch, chuyển đổi vị trí công tác, luân chuyển, đào tạo, bồi dưỡng...

Đặc biệt, phải kể đến những kết quả to lớn, mang lại những tác động đáng kể trong xây dựng và phát triển đội ngũ thông qua việc xem xét, xử lý hàng loạt vụ việc tham nhũng, tiêu cực trong 3, 4 năm trở lại đây. Chưa có bao giờ cán bộ, công chức lãnh đạo, kể cả lãnh đạo ở cương vị Bộ trưởng, Phó Thủ tướng Chính phủ bị xử lý hành chính, bị xử lý hình sự nhiều như mấy năm vừa qua.

Nhưng, dường như vẫn chưa đủ hoặc nói cách khác là chưa bắt đúng mạch để tạo sự chuyển biến thực sự trong đội ngũ. Bộ phận cán bộ, công chức, viên chức không đủ năng lực, trình độ để làm việc, nhưng vẫn tiếp tục kiên trì trụ lại trong bộ máy và bộ phận thoái hóa, biến chất, tham nhũng có vẻ vẫn gia tăng là những minh chứng rõ nét cho kết quả yếu kém nhất trong cải cách thời gian qua.

Nguyên nhân một phần cơ bản lại nằm ở những câu chuyện dang dở, không dứt khoát trong triển khai kiểu như thi tuyển một số chức danh lãnh đạo, quản lý; xơ cứng trong định tiêu chuẩn công chức, viên chức; xác định vị trí việc làm không thực chất; đánh giá, phân loại công chức, viên chức chỉ cần đạt trên 70% nhiệm vụ được giao đã coi là hoàn thành nhiệm vụ; nhân tài thì ít, giả tài thì nhiều trong công vụ.

Thể chế quản lý đội ngũ chưa ngon lành, ra rồi triển khai cầm chừng cộng với lợi ích nhóm, tham nhũng đã là mảnh đất tốt ươm mầm, nảy nở vô vàn cây cỏ độc hại mà ngay một lúc khó diệt trừ.

### **Ước có tư lệnh vắc thượng phương bảo kiểm đi muôn nơi**

Thấy được cái được và cái kém nhất trong cải cách chính là để xem mười năm tới nên thế nào để hành chính thực sự là phục vụ. Mỗi hoạt động lớn hay nhỏ của chính quyền từ cấp Trung ương cho đến cấp cơ sở đều cần phải được soi rọi dưới con mắt vì ai, mang lại lợi ích cho ai.

Chỉnh trang đô thị, làm cho thành phố đẹp hơn bằng cây xanh, cỏ đẹp, hè phố gọn gàng, sạch sẽ... Quá tốt, nhưng hãy xem cứ loanh quanh vài năm vỉa hè Hà Nội lại được cật lên, lát lại thì sao nhỉ. Mà việc đó có liên quan tới cải cách hành chính không mà đưa ra xem cơ chứ! Quá liên quan, vì đó chính là biểu hiện trực tiếp của năng lực quản lý của chính quyền, là câu chuyện lát lại vỉa hè vì ai. Chỉ ao ước, chí ít không được như các nước cỡ 20, 30 năm thì mình độ 10 năm mới lại lát lại vỉa hè là đã quá tốt rồi.

Rồi mới đây lại nghe tin Thanh tra Bộ Xây dựng vào TP. Hồ Chí Minh xem câu chuyện các dự án xây chung cư, biệt thự quá dày đặc, ví dụ như đoạn đường Nguyễn Văn Cảnh dài độ hơn 3km thì tính trung bình cứ khoảng 500m có một dự án xây dựng.

Nếu thế khỏi phải đi xa như vậy, cứ đến ngay đường Lê Văn Lương, Tô Hữu, Nguyễn Tuân ở Hà Nội là rõ ngay. Kiểu quản lý của ta là ông cấp phép xây dựng nhà cứ cấp phép, còn chuyện giao thông đi lại, trường học, bệnh viện... là việc của ông khác. Ai làm việc đó, rất đúng nguyên tắc quản lý. Sau đó kẹt xe ư, đã có ông giao thông lo, cháy nổ nguy cơ cao ư, đã có ông chữa cháy lo... Tính đồng bộ, phối hợp trong làm việc của các cơ quan ngay dưới cái mái nhà chung là Ủy ban nhân dân thành phố hầu như không có.

Rồi đến trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Thủ tướng Chính phủ có hô hào, chỉ đạo cải cách hành chính quyết liệt đến đâu mà bên dưới không chuyển thì cũng coi bằng không. Hôm rồi ghé thăm người quen đang chữa bệnh tại bệnh viện ngành Công an tại thủ đô mới thăm thía một cách “đơn sơ” tác động của cải cách hành chính.

Người quen tôi kể từ vài năm nay ông khám, chữa bệnh tại bệnh viện này vì bản thân là người của Ngành. Mỗi lần đến bệnh viện lại phải làm thủ tục ban đầu giống hệt nhau với đủ loại giấy tờ.

Cũng trong khoảng thời gian đó, ông phải đến bệnh viện 108 rất nhiều lần. Duy nhất lần đầu là thủ tục đòi hỏi các loại giấy tờ có liên quan, còn từ lần thứ 2 trở đi là hết sức đơn giản vì dữ liệu đã được lưu và quản lý trên máy của bệnh viện rồi. Kết luận của ông là không thể hiểu vì sao cùng là bệnh viện nhưng một bên cải cách, một bên không mà cũng chẳng sao cả.

Nói chuyện cải cách hành chính kiểu này chắc còn nói dài dài được. Vào bộ này bộ kia ở Trung ương, vào sở này sở kia ở địa phương chắc còn khôi chuyện để bàn. Điều quan trọng là 10 năm tới làm cải cách hành chính thực chất hơn, lấy kết quả phục vụ dân, doanh nghiệp, xã hội làm thước đo căn bản, hết sức tránh hình thức, khẩu hiệu hoa mỹ trong triển khai.

Giá như có một vị tư lệnh nhiệt huyết giúp Thủ tướng Chính phủ vác thanh thương phương bảo kiếm đi khắp muôn nơi, vào đâu cũng được để thăm soi, đốc thúc và trảm ngay tại chỗ những chức sắc, những công chức trong bộ máy đang cố tình cản trở công cuộc cải cách hành chính. Nếu vậy, chí ít câu chuyện cải cách cũng tươi ngon hơn chút đỉnh.

*Nguồn: vietnamnet.vn*

## CHÍNH PHỦ: QUY ĐỊNH MỚI VỀ CHÍNH SÁCH TINH GIẢN BIÊN CHẾ VÀ NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI

Ngày 10/12/2020, Chính phủ ban hành Nghị định số 143/2020/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP, trong đó sửa đổi, bổ sung chính sách về hưu trước tuổi.

Theo đó, sửa đổi, bổ sung một số điểm tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 113/2018/NĐ-CP như sau:

“c) Chưa đạt trình độ đào tạo theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ quy định đối với vị trí việc làm đang đảm nhiệm, nhưng không có vị trí việc làm khác phù hợp để bố trí và không thể bố trí đào tạo lại để chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc được cơ quan, đơn vị bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

d) Có chuyên ngành đào tạo không phù hợp với vị trí việc làm hiện đang đảm nhiệm nên không hoàn thành nhiệm vụ được giao nhưng không thể bố trí việc làm khác hoặc được cơ quan, đơn vị bố trí việc làm khác nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

đ) Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, cán bộ, công chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

e) Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế, viên chức có 01 năm được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành nhiệm vụ và 01 năm không hoàn thành nhiệm vụ nhưng không thể bố trí việc làm khác phù hợp hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế và được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý.

g) Có 02 năm liên tiếp liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế mà trong từng năm đều có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định của pháp luật hoặc năm trước liền kề tại thời điểm xét tinh giản biên chế có tổng số ngày nghỉ làm việc bằng hoặc cao hơn số ngày nghỉ tối đa do ốm đau theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật Bảo hiểm xã hội, có xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh và của cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả trợ cấp ốm đau theo quy định của pháp luật nhưng cá nhân tự nguyện thực hiện tinh giản biên chế được cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý đồng ý”.



Nghị định sửa đổi, bổ sung Điều 8 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và các Khoản 6, 7 Điều 1 Nghị định số 1133/2018/NĐ-CP như sau:

Đối tượng tinh giản biên chế nếu có tuổi thấp hơn tối đa đủ 5 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại Khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên, ngoài hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, còn được hưởng các chế độ sau: a) Không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi; b) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với quy định về tuổi tối thiểu tại khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động; c) Được trợ cấp 05 tháng tiền lương cho hai mươi năm đầu công tác, có đóng đủ bảo hiểm xã hội. Từ năm thứ hai mươi một trở đi, cứ mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội được trợ cấp một phần hai tháng tiền lương.

Đối tượng tinh giản biên chế nếu có tuổi thấp hơn tối đa đủ 5 tuổi và thấp hơn tối thiểu đủ 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và chế độ quy định và được trợ cấp 03 tháng tiền lương cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động.

Đối tượng tinh giản biên chế nếu có tuổi thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại Khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.

Đối tượng tinh giản biên chế nếu có tuổi thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động và có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, thì được hưởng chế độ hưu trí theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và không bị trừ tỷ lệ lương hưu do việc nghỉ hưu trước tuổi.

Nghị định cũng sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP như sau: “2. Không áp dụng chính sách quy định tại khoản 1 Điều này đối với những người đã làm việc tại đơn vị sự nghiệp công lập khi đơn vị chuyển đổi sang đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư hoặc doanh nghiệp hoặc cổ phần hóa vẫn được giữ lại làm việc; những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế có tuổi thấp hơn đủ 3 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động, có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, trong đó có đủ 15 năm làm nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc,

độc hại, nguy hiểm thuộc danh mục do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Y tế ban hành hoặc có đủ 15 năm làm việc ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn bao gồm cả thời gian làm việc ở nơi có phụ cấp khu vực hệ số 0,7 trở lên; những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế có tuổi thấp hơn đủ 3 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động, có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên”.

Về chính sách thôi việc ngay, quy định tại Khoản 1 Điều 10 Nghị định số 108/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung: “Những người thuộc đối tượng tinh giản biên chế có tuổi tối đa thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu tối thiểu quy định tại Khoản 3 Điều 169 Bộ luật Lao động và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định này hoặc có tuổi thấp hơn 2 tuổi so với tuổi nghỉ hưu quy định tại Khoản 2 Điều 169 Bộ luật Lao động và không đủ điều kiện để hưởng chính sách về hưu trước tuổi quy định tại Khoản 2 Điều 8 Nghị định này nếu thôi việc ngay thì được hưởng các khoản trợ cấp sau: a) Được trợ cấp 03 tháng tiền lương hiện hưởng để tìm việc làm; b) Được trợ cấp 1,5 tháng tiền lương cho mỗi năm công tác có đóng bảo hiểm xã hội”.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 1 Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

*Nguồn: moha.gov.vn*

## **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG: TIÊU CHÍ XÁC ĐỊNH SẢN PHẨM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐƯỢC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ, MUA SẮM**

Bộ Thông tin và Truyền thông vừa ban hành Thông tư số 40/2020/TT-BTTTT quy định tiêu chí xác định sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin sản xuất trong nước được ưu tiên đầu tư, thuê, mua sắm.

Theo Thông tư, việc ưu tiên được thực hiện trong các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sau đây: Dự án đầu tư, mua sắm ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; các hoạt động thuê, mua sắm ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên từ nguồn vốn ngân sách nhà nước; dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn khác nhau trong đó vốn ngân sách nhà nước chiếm tỷ lệ từ 30% trở lên hoặc lớn nhất trong tổng mức đầu tư của dự án.

Sản phẩm, dịch vụ được ưu tiên phải đáp ứng các tiêu chí chung như sau: Có chi phí sản xuất trong nước đáp ứng quy định ưu đãi theo quy định pháp luật về đấu thầu; có tài liệu kỹ thuật và tài liệu hướng dẫn sử dụng bằng tiếng Việt; có cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành, bảo trì, nâng cấp và dịch vụ hậu mãi của nhà cung cấp.

Sản phẩm phần cứng được ưu tiên là sản phẩm phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí gồm:

Các chức năng, yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm phù hợp với các yêu cầu nghiệp vụ hoặc quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước (nếu có).

Do tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân Việt Nam sáng tạo hoặc thiết kế hoặc sản xuất tại Việt Nam. Việc sáng tạo, thiết kế được thể hiện thông qua bằng độc quyền sáng chế hoặc bằng độc quyền giải pháp hữu ích hoặc bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp hoặc các tài liệu khác chứng minh cho việc sáng tạo, thiết kế quy định tại Phụ lục II kèm theo Thông tư này.

Tiêu chí về tiêu chuẩn chất lượng, an toàn bảo mật của sản phẩm: Sản xuất bởi tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam có Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý ISO 9001 được cấp bởi tổ chức chứng nhận đã đăng ký hoặc tương đương.

Tỷ lệ chi phí cho nghiên cứu, phát triển sản phẩm trên tổng doanh thu sản phẩm đó của doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất đạt từ 1% trở lên.

#### **Tiêu chí cụ thể đối với sản phẩm phần mềm được ưu tiên**

Sản phẩm phần mềm được ưu tiên phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí:

Các chức năng, yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm phù hợp với các yêu cầu nghiệp vụ hoặc quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước (nếu có).

Do tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân Việt Nam thực hiện ít nhất một trong hai công đoạn sau: Xác định yêu cầu, Phân tích và thiết kế quy định tương ứng tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 13/2020/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Sản phẩm được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả là người Việt Nam và được bảo hộ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Tiêu chí về tiêu chuẩn chất lượng, an toàn bảo mật của sản phẩm: Sản phẩm do tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam sản xuất có Giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn về hệ thống quản lý ISO 9001 được cấp bởi tổ chức chứng nhận đã đăng ký.

Tỷ lệ chi phí cho nghiên cứu, phát triển sản phẩm trên tổng doanh thu sản phẩm đó của doanh nghiệp trong 03 năm gần nhất đạt từ 3% trở lên.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15/02/2021.

*Nguồn: baochinhphu.vn*

## NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

### \* Thủ tướng Chính phủ Quyết định:

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Trần Quốc Văn, Phó Bí thư Tỉnh ủy nhiệm kỳ 2020 - 2025, Bí thư Huyện ủy Văn Lâm.

Phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Nguyễn Văn Phóng, để nghỉ hưu theo quy định.

Phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Bùi Thế Cử, để nhận nhiệm vụ mới.

Phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Phan Thiên Định để nhận nhiệm vụ mới.

Ông Nguyễn Anh Tuấn, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh là Ủy viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương thay ông Lê Quốc Phong nhận nhiệm vụ khác.

Thủ tướng Chính phủ Quyết định thay thế các thành viên Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ:

Ông Trần Duy Đông, Thứ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư thay thế ông Vũ Đại Thắng chuyển công tác.

Ông Tạ Quang Đông, Thứ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch thay thế ông Lê Khánh Hải chuyển công tác.

Ông Nguyễn Bá Hoan, Thứ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thay thế ông Lê Quân chuyển công tác.

Ông Nguyễn Huy Dũng, Thứ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông thay thế ông Nguyễn Thành Hưng nghỉ hưu theo chế độ.

Bà Nguyễn Thị Thu Hiền, Phó Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam thay thế ông Nguyễn Thành Lương nghỉ hưu theo chế độ.

Ông Ngô Minh Hiền, Phó Tổng Giám đốc Đài Tiếng nói Việt Nam thay thế ông Trần Minh Hùng theo phân công công tác.

Ông Bùi Quang Huy, Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thay thế ông Nguyễn Anh Tuấn theo phân công công tác.

Phê chuẩn kết quả bầu bổ sung chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với các ông/bà: Võ Tấn Đức, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Long Thành; Nguyễn Thị Hoàng, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ; Võ Văn Phi, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh.

Phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với bà Nguyễn Hòa Hiệp, để nghỉ hưu trước tuổi và hưởng các chế

độ, chính sách theo quy định và ông Nguyễn Quốc Hùng, ông Trần Văn Vĩnh đề nghị công tác chờ đến tuổi nghỉ hưu và hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

Phê chuẩn kết quả bầu bổ sung chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Nguyễn Hùng Nam, Bí thư Huyện ủy Kim Động.

Phê chuẩn kết quả bầu bổ sung chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Vừ A Bằng, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Điện Biên Đông.

Phê chuẩn kết quả bầu bổ sung chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Phạm Đức Toàn, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Điện Biên.

Phê chuẩn việc miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Lê Văn Quý để nghỉ hưu trước tuổi và được hưởng các chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Đỗ Minh Tuấn, Phó Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa nhiệm kỳ 2020 - 2025.

Phê chuẩn kết quả bầu bổ sung chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với các ông: Lê Đức Giang, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh và Đào Thanh Tùng, Phó Trưởng ban Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

Phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Nguyễn Đình Xứng để nghỉ công tác chờ đến tuổi nghỉ hưu và được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định.

Phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Nguyễn Đức Quyền và ông Phạm Đăng Quyền để nghỉ hưu hưởng chế độ theo quy định.

Phê chuẩn kết quả bầu bổ sung chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Lê Hòa Bình, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Giám đốc Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh và bà Phan Thị Thắng, Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Phê chuẩn kết quả miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Lê Thanh Liêm để nhận nhiệm vụ mới và ông Trần Vĩnh Tuyền.

#### **\* Thành phố Hà Nội:**

Ông Phạm Minh Anh, Phó Vụ trưởng Vụ Đào tạo, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh được tiếp nhận, điều động và bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Đào tạo cán bộ Lê Hồng Phong.

Ông Nguyễn Trường Sơn, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Hà Nội được tiếp nhận, điều động và chỉ định tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy và giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Hà Nội, nhiệm kỳ 2020 - 2025.



Ông Nguyễn Phi Thường, Bí thư Huyện ủy Ứng Hòa được điều động đến nhận công tác tại Liên đoàn Lao động TP. Hà Nội, chỉ định làm Bí thư Đảng đoàn; và giới thiệu để bầu bổ sung vào Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và bầu giữ chức Chủ tịch Liên đoàn Lao động TP. Hà Nội khóa XVI, nhiệm kỳ 2018 - 2023.

**\* Tỉnh Bắc Kạn:**

Ông Nguyễn Long Hải, Phó Bí thư Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đối với ông Lý Thái Hải nghỉ chế độ hưu trí.

**\* Tỉnh Lai Châu:**

Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh và cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV nhiệm kỳ 2016 - 2021 đối với ông Vũ Văn Hoàn.

Miễn nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh và cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh đối với ông Đoàn Đức Long.

Bà Giàng Páo Mỹ, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIV nhiệm kỳ 2016 - 2021.

**\* Tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu:**

Ông Nguyễn Công Vinh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ông Trần Văn Vui, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh được bổ nhiệm giữ chức vụ Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh, kể từ ngày 15/12/2020.

**\* Tỉnh Bến Tre:**

Bà Nguyễn Thị Bé Mười, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Ông Nguyễn Minh Cảnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Miễn nhiệm chức danh Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre đối với ông Nguyễn Văn Đức (được điều động, phân công giữ nhiệm vụ Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy) và ông Nguyễn Hữu Lập (nghỉ hưu hưởng chế độ theo quy định).

*Nguồn: baohinhphu.vn*